CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

FPT Securities



“KIÊN ĐỊNH GIÁ TRỊ - LINH HOẠT HÀNH ĐỘNG”

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

FPTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
TTCK	Thị trường chứng khoán
UBCK	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
CĐ	Cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
MSGD	Mã số giao dịch
VĐL	Vốn điều lệ
TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TM & SX	Thương mại và sản xuất
VCSH	Vốn chủ sở hữu
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
FVTPL	Fair Value Through Profit or Loss (Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ)
ROA	Return on Assets (Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản)
ROE	Return on Equity (Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu)
CPI	Consumer Price Index (Chỉ số giá tiêu dùng)
TP	Thành phố

Thông điệp của
Tổng Giám đốc

"KIÊN ĐỊNH GIÁ TRỊ – LINH HOẠT HÀNH ĐỘNG"

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT,

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh thị trường tài chính - chứng khoán Việt Nam ghi nhận nhiều chuyển động quan trọng, đặc biệt là việc hệ thống KRX chính thức được triển khai và những bước tiến rõ nét trong lộ trình nâng hạng thị trường. Hạ tầng giao dịch được cải thiện, tính minh bạch từng bước nâng cao, dòng vốn trung - dài hạn có thêm cơ sở để kỳ vọng.

Tuy nhiên, song hành với cơ hội là áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt. Biên lợi nhuận thu hẹp, cuộc đua thị phần diễn ra quyết liệt, các chính sách phí và đòn bẩy tài chính được sử dụng mạnh mẽ hơn trên thị trường. Trong bối cảnh đó, FPTS lựa chọn một cách tiếp cận nhất quán: kiên định với những giá trị cốt lõi đã xác lập, đồng thời linh hoạt trong hành động để thích ứng với thị trường.

Trong năm 2025, FPTS tiếp tục duy trì kỷ luật vận hành, kiểm soát chặt chẽ rủi ro, không chạy theo tăng trưởng ngắn hạn bằng mọi giá. Đồng thời, Công ty chủ động điều chỉnh mô hình hoạt động, chính sách sản phẩm và cách tiếp cận khách hàng phù hợp với diễn biến thị trường.

Kết quả, tổng doanh thu hoạt động và doanh thu hoạt động tài chính (đã thực hiện) đạt **1.321,68 tỷ đồng**, hoàn thành **132% kế hoạch**; lợi nhuận trước thuế đã thực hiện đạt **617,30 tỷ đồng**, tương đương **123% kế hoạch đề ra**. So với năm 2024, doanh thu đã thực hiện tăng khoảng **31%** và lợi nhuận trước thuế đã thực hiện tăng hơn **20%.**

Những con số này không chỉ phản ánh sự cải thiện về quy mô, mà quan trọng hơn là hiệu quả hoạt động được nâng lên trên nền tảng quản trị rủi ro chặt chẽ và kỷ luật tài chính được duy trì nhất quán. Trong một môi trường nhiều biến động, việc giữ vững nguyên tắc và bảo vệ an toàn cho khách hàng chính là điều kiện tiên quyết để tăng trưởng bền vững.

Bước sang năm 2026, Ban Tổng Giám đốc xác định tiếp tục triển khai chiến lược theo tinh thần "Kiên định giá trị - Linh hoạt hành động" với ba định hướng trọng tâm:

Thứ nhất, củng cố vững chắc hệ thống quản trị rủi ro và kỷ luật vận hành.

FPTS duy trì cách tiếp cận thận trọng trong quản lý vốn, không mở rộng hoạt động vượt quá khả năng kiểm soát, đảm bảo an toàn hệ thống trong mọi điều kiện thị trường.

Thứ hai, linh hoạt điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ và mô hình vận hành theo diễn biến thực tế.

Công ty tiếp tục đầu tư cho công nghệ, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động nội bộ, nhưng luôn đặt yếu tố kiểm soát rủi ro và tính bền vững lên hàng đầu.

Thứ ba, phát triển đội ngũ trên nền tảng đạo đức nghề nghiệp và năng lực thực thi.

FPTS kiên trì xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, đề cao trách nhiệm, hạn chế xung đột lợi ích và hướng tới mục tiêu bảo vệ giá trị tài sản của khách hàng trong dài hạn.

Trên cơ sở đánh giá thận trọng bối cảnh thị trường, FPTS đặt kế hoạch kinh doanh năm 2026 với tổng doanh thu hoạt động và doanh thu hoạt động tài chính dự kiến **1.200 tỷ đồng**, lợi nhuận trước thuế **550 tỷ đồng**. Mức kế hoạch này phản ánh quan điểm điều hành nhất quán: ưu tiên an toàn hệ thống, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả sử dụng vốn, thay vì theo đuổi mở rộng quy mô bằng mọi giá.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng FPTS, cảm ơn Quý khách hàng và đối tác vì sự hợp tác bền chặt và đặc biệt cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên đã giữ vững tinh thần kỷ luật, trách nhiệm và sự tận tâm trong suốt năm 2025.

Chúng tôi tin rằng, chỉ khi kiên định với giá trị cốt lõi và hành động linh hoạt trước biến động thị trường, FPTS mới có thể phát triển bền vững và tạo dựng niềm tin dài hạn với khách hàng và cổ đông.

Trân trọng,

NGUYỄN ĐIỆP TÙNG
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT



FPT Securities

MỤC LỤC

01 TỔNG QUAN

- Thông tin chung 10
- Thông tin về cổ phần, cơ cấu cổ đông 12
- Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi 14
- Quá trình hình thành và phát triển 16
- Quá trình tăng vốn 17
- Định hướng phát triển 18

02 SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

- Sơ đồ bộ máy tổ chức 22
- Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 24
- Giới thiệu Ban Điều hành 27
- Thông tin về Công ty con, liên kết 29

03 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

- Tổng quan ngành Chứng khoán Việt Nam năm 2025 32
- Báo cáo hoạt động Ban Tổng Giám đốc 36
- Tổ chức và nhân sự 44
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án 46
- Triển vọng kinh doanh năm 2026 46
- Kế hoạch phát triển trong tương lai 47
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 47
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty 48

04 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty 52
- Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty 58
- Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2026 58
- Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2025 59
- Kiến nghị và phương hướng hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2026 60
- Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích 62
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty 64
- Quản trị rủi ro 65

05 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Tác động lên môi trường 72
- Trách nhiệm đối với môi trường 73
- Tuân thủ luật bảo vệ môi trường 74
- Môi trường làm việc 74
- Cam kết về tính bền vững trong sản phẩm 75
- Giá trị cho cộng đồng 76
- Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư – cổ đông 77

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

2025

Phần 01

TỔNG QUAN

01. Thông tin chung

02. Thông tin về cổ phần, cơ cấu cổ đông

03. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

04. Quá trình hình thành và phát triển

05. Quá trình tăng vốn

06. Định hướng phát triển



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung về doanh nghiệp

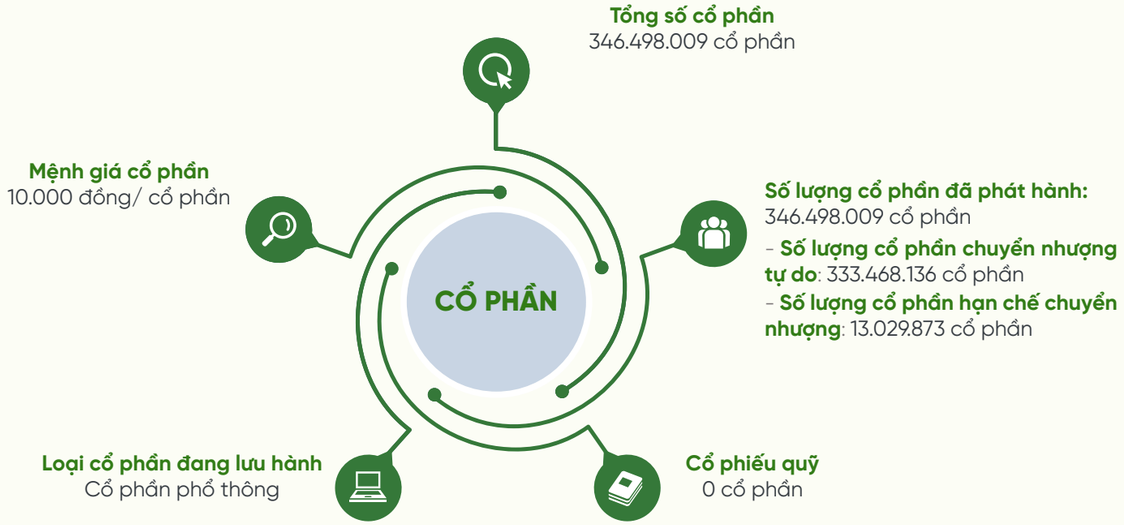


Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT *- được cấp phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/7/2007. Trải qua hơn 18 năm hình thành và phát triển, FPTS đã liên tục gặt hái được nhiều thành công, đạt được sự tin tưởng của khách hàng, khẳng định là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.*

Tên doanh nghiệp	Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT
Tên tiếng Anh	FPT Securities Joint Stock Company
Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT
Tên viết tắt	FPTS
Trụ sở chính	Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội
Mã số ĐKKD	0102324187
Website	www.fpts.com.vn
Số điện thoại	19006446
Số fax	(024) 3773 9058
Vốn điều lệ	3.464.980.090.000 đồng
Mã cổ phiếu	FTS
Sàn giao dịch	HOSE
Email	fptsecurities@fpts.com.vn

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin về cổ phần, cơ cấu cổ đông



Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2025: Trong năm Công ty không phát sinh nghiệp vụ giao dịch cổ phiếu quỹ.

Chứng khoán khác: Trong năm Công ty không có các đợt phát hành chứng khoán khác và không có các cam kết chưa thực hiện của Công ty với cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc phát hành chứng khoán.



Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông		Ghi chú
					Tổ chức	Cá nhân	
1	**Cổ đông Nhà nước**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
2	**Cổ đông sáng lập**	**68.043.863**	**19,64**	**3**	**1**	**2**	
	- Trong nước	68.043.863	19,64	3	1	2	CĐ sáng lập đồng thời là CĐ lớn *
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-	
3	**Cổ đông lớn**	**139.902.050**	**40,38**	**2**	**2**	**-**	
	- Trong nước	59.156.178	17,07	1	1	-	CĐ sáng lập đồng thời là CĐ lớn *
	- Nước ngoài	80.745.872	23,30	1	1	-	
4	**Cổ phiếu quỹ**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
5	**Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
6	**Cổ đông khác**	**197.708.274**	**57,06**	**19.045**	**59**	**18.986**	
	- Trong nước	184.739.490	53,32	18.637	29	18.608	
	- Nước ngoài	12.968.784	3,74	408	30	378	
TỔNG CỘNG		**346.498.009**	**100**	**19.049**	**61**	**18.988**	
- Trong nước		252.783.353	72,95	18.640	30	18.610	
- Nước ngoài		93.714.656	27,05	409	31	378	

** Công ty Cổ phần FPT là cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông lớn.*

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Ngày 17/02/2017, FPTS có nhận được công văn số 852/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với mã chứng khoán FTS là 100%.

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	GCNĐKKD/ MSGD của nhà đầu tư	Địa chỉ/ Trụ sở chính	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL (%)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN FPT	0101248141	Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	59.156.178	17,07
2	SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	0104011100313	Izumi Garden Tower 20F, 1-6-1 Roppongi, Minato Ward, Tokyo , Japan	80.745.872	23,30

THÔNG TIN CHUNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

1 TẦM NHÌN

FPTS mong muốn trở thành một định chế tài chính hùng mạnh, sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.

2 SỨ MỆNH

Chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

Trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

3 GIÁ TRỊ CỐT LÕI

CON NGƯỜI

Xác định con người là sức mạnh cốt lõi, FPTS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động. Nhờ trọng dụng nhân tài, nỗ lực xây dựng đội ngũ nhân sự, đặc biệt quan tâm đào tạo cán bộ, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện FPTS đã có đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.

CÔNG NGHỆ

FPTS đã đầu tư nhiều nguồn lực nhằm khai thác tối đa các thế mạnh về công nghệ, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của khách hàng cũng như quy mô phát triển ngày càng cao của thị trường cả hiện tại và trong tương lai.

- Giải pháp công nghệ tiên tiến với các tính năng tối ưu luôn được cập nhật, nâng cấp, có khả năng mở rộng, gia tăng nhanh chóng;

- Các sản phẩm phần mềm giao dịch có thể phục vụ số lượng giao dịch rất lớn vừa an toàn, bảo mật lại đạt tốc độ cao, mọi lúc, mọi nơi qua các kênh dịch vụ trực tuyến hay giao dịch truyền thống: điện thoại, quầy giao dịch;

- Giao dịch trực tuyến được bảo mật bằng nhiều phương thức, thiết bị xác thực người dùng có độ uy tín cao, đảm bảo an toàn về dữ liệu truy cập và dữ liệu truyền tải trên đường truyền;

- Hệ thống điều hành, quản lý và quản trị công ty được nâng cấp tối đa, áp dụng các công nghệ tiên tiến, giảm thiểu quy trình xử lý thủ công, rườm rà, đem lại hiệu quả tối đa trong quản lý, quản trị ở các cấp.

THÔNG TIN CHUNG

Quá trình hình thành và phát triển

2007

- FPTS được cấp phép thành lập và hoạt động.
- FPTS lập chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, tại Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

2008

- FPTS bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành.
- FPTS lập chi nhánh Đà Nẵng, tại số 09 Nguyễn Văn Linh, phường Nam Dương, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

2013

- FPTS hoàn thành mua trụ sở chi nhánh Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh.
- Ngày 30/12, chi nhánh Đà Nẵng chuyển trụ sở sang địa chỉ mới tại 100 Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

2014

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 258/QĐ-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa chỉ chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của FPTS.

2017

- FPTS chuyển về trụ sở chính số 52 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.
- Ngày 13/01, chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FTS.

2018-nay

FPTS liên tục tăng vốn điều lệ nhằm mở rộng quy mô (tăng hạn mức cho vay ký quỹ), tăng năng lực tài chính trong bối cảnh thị trường ngày càng phát triển. Hiện tại vốn điều lệ của FPTS là 3.464.980.090.000 đồng.

Quá trình tăng vốn

13/7/2007	200.000.000.000	Thành lập Công ty.
11/2007	440.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên với số lượng là 24.000.000 cổ phiếu.
4/2011	550.000.000.000	Tăng vốn từ việc phát hành 11.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho SBI Securities.
6/2012	733.323.900.000	Tăng vốn từ chia thưởng cổ phiếu theo tỷ lệ 3:1 cho cổ đông hiện hữu.
6/2015	806.648.700.000	Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 10:1 cho cổ đông hiện hữu.
6/2016	903.437.270.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 12%.
6/2017	993.769.520.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
6/2018	1.093.136.880.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
6/2019	1.202.440.510.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
7/2020	1.322.673.490.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.
6/2021	1.454.930.970.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.
7/2021	1.475.672.970.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2021.
9/2022	1.950.599.510.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2022. Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 20%. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/ cổ phần, tỷ lệ 10%.
6/2023	2.145.649.870.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.
6/2024	3.003.894.160.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 40%.
6/2024	3.059.193.660.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024.
6/2025	3.365.096.090.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.
7/2025	3.464.980.090.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2025.

THÔNG TIN CHUNG

Định hướng phát triển

FPTS kiên định với chiến lược quản trị rủi ro thận trọng thông qua việc tối ưu hóa danh mục đầu tư và cho vay margin. Bên cạnh việc thắt chặt các giải pháp bảo mật giao dịch và đảm bảo tính minh bạch trong công bố thông tin, Công ty tập trung nâng tầm chất lượng dịch vụ dựa trên hai trụ cột cốt lõi: Con người và Công nghệ.

CON NGƯỜI

FPTS kiên trì mục tiêu chuẩn hóa chất lượng đội ngũ. Chúng tôi không chỉ tập trung đào tạo chuyên môn sâu mà còn đặc biệt chú trọng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, coi đây là yếu tố tiên quyết để xây dựng niềm tin và sự hài lòng bền vững cho khách hàng.

CÔNG NGHỆ

FPTS kiên định với mục tiêu lấy công nghệ làm động lực tăng trưởng cốt lõi. Chúng tôi không ngừng đầu tư nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp tiên tiến nhằm xây dựng một hệ sinh thái giao dịch Tốc độ – Bảo mật – Minh bạch và đảm bảo tính chính xác, an toàn và công bằng. Bằng việc tối ưu hóa trải nghiệm người dùng dựa trên nền tảng kỹ thuật số, FPTS quyết tâm khẳng định vị thế là lựa chọn ưu tiên hàng đầu của các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong cũng như ngoài nước.



Phần 02

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

01. Sơ đồ bộ máy tổ chức

02. Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

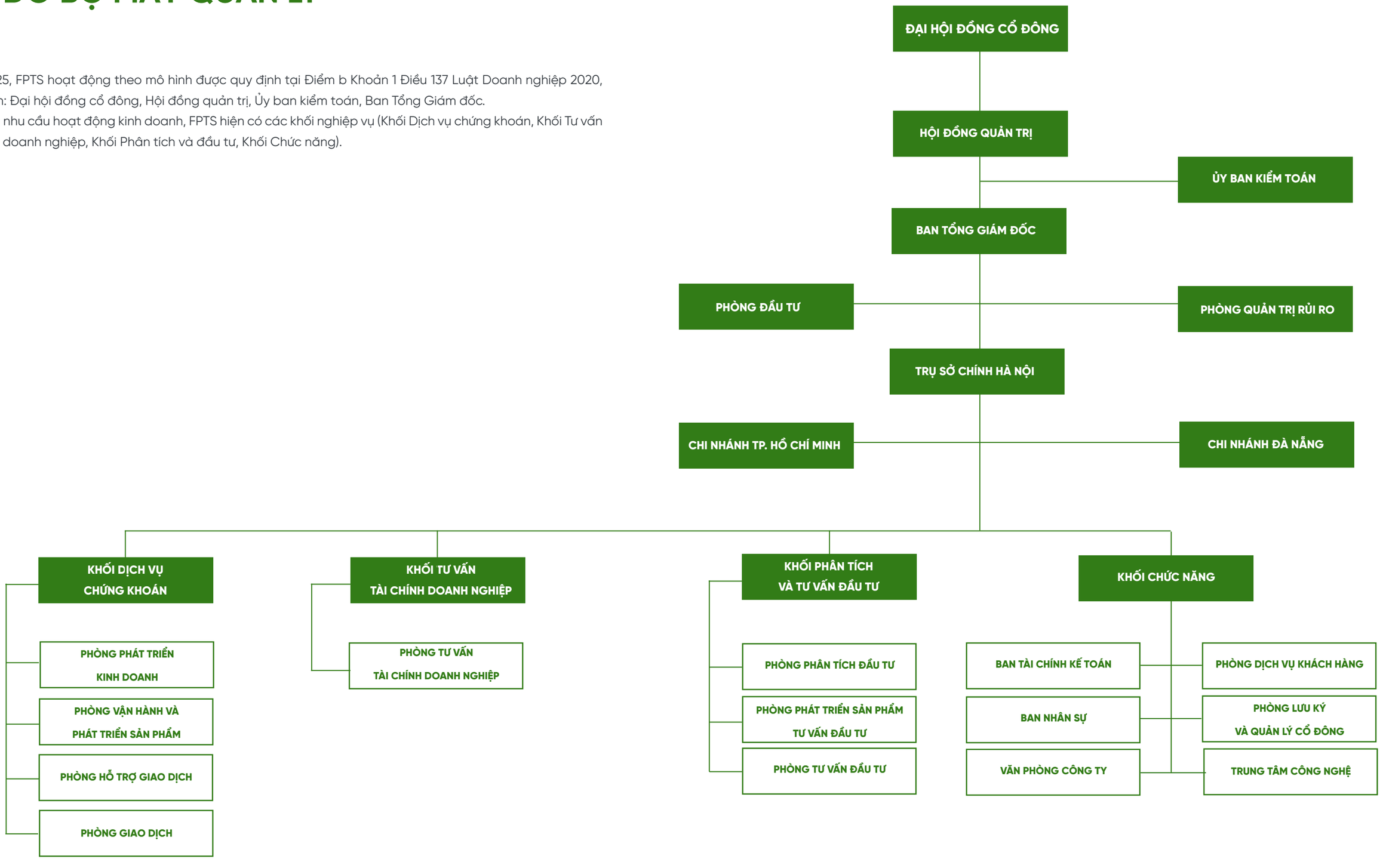
03. Giới thiệu Ban Điều hành

04. Thông tin về Công ty con, liên kết



SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Năm 2025, FPTS hoạt động theo mô hình được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc.
Đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, FPTS hiện có các khối nghiệp vụ (Khối Dịch vụ chứng khoán, Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Khối Phân tích và đầu tư, Khối Chức năng).



GIỚI THIỆU HĐQT, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán Ngân hàng, Cử nhân Ngoại ngữ (Chuyên ngành Tiếng Anh)

Quá trình công tác

1996 – 1998 : Cán bộ tín dụng, Cán bộ quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương.

1998 – 2006 : Cán bộ Tài trợ thương mại, Trợ lý Giám đốc - Ngân hàng Mizuho Corporate Bank, chi nhánh Hà Nội.

2006 – 2007 : Phụ trách nghiệp vụ, Tài trợ thương mại - Ngân hàng HSBC, chi nhánh Hà Nội.

2007 – 3/2021 : Giám đốc tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

4/2018 – 7/2020 : Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

4/2019 – 7/2025 : Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

8/2020 – nay : Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.



ÔNG NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1968

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác

1991 – 1993 : Cán bộ Phòng tài chính kế toán - Công ty Cổ phần FPT.

1993 – 2004 : Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần FPT.

2004 – 2007 : Thành viên HĐQT, Trưởng Ban kế hoạch tài chính, Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần FPT.

2007 – 2010 : Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần FPT, Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

2010 – 7/2020 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

8/2020 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.



ÔNG ĐỖ SƠN GIANG

Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh : 1973

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

1997 – 2000 : Kế toán viên - Công ty Cổ phần FPT.

2001 - 2003 : Phó Ban kế hoạch tài chính - Công ty Cổ phần FPT.

2003 – 2010 : Kế toán trưởng, Trưởng Ban kế toán tài chính - Công ty hệ thống thông tin FPT (FIS).

2010 – 2017 : Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kế toán tài chính - Công ty hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

2017 – 5/2024 : Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

5/2024 – nay : Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH FPT IS; Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

GIỚI THIỆU HĐQT, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





ÔNG TRẦN THANH TÙNG

Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh : 1978

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

12/2001 – 11/2004	: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán Sài Gòn.
11/2004 – 4/2007	: Kế toán trưởng - Công ty TNHH Trung tâm Văn hóa Thể thao Giải trí Hà Nội.
4/2007 – 4/2008	: Chuyên viên tư vấn tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
4/2008 – 9/2017	: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban kiểm soát và Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần Thế Giới số Trần Anh.
01/2018 – 8/2021	: Trưởng Phòng tài chính kiêm trưởng phòng Sales Operation - Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc.
01/2022 – nay	: Kiểm toán viên - Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
3/2022 – nay	: Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

ÔNG KENJI NAKANISHI

Thành viên HĐQT

Năm sinh : 1966

Quốc tịch : Nhật Bản

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật

Quá trình công tác

4/1992 – 11/2021	: Giám đốc điều hành của - Công ty chứng khoán thuộc Tập đoàn chứng khoán Daiwa.
7/2022 - 4/2023	: Quản lý tại Phòng quản trị kinh doanh nước ngoài - Tập đoàn SBI Holdings Inc.
5/2023 – nay	: Giám đốc điều hành - SBI Royal Securities Plc (Cambodia), SBI Holdings Inc.
3/2024 – nay	: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ỦY BAN KIỂM TOÁN

ÔNG TRẦN THANH TÙNG

Chủ tịch Ủy ban kiểm toán kiêm
Thành viên độc lập HĐQT

(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)

ÔNG ĐỖ SƠN GIANG

Thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm
Thành viên HĐQT

(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)



BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

Tổng Giám đốc

(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)

ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

(đã miễn nhiệm từ ngày 23/7/2025)

BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

(Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng từ ngày 01/02/2026)

Năm sinh : 1974

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác

1994 – 2003	: Kế toán - Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT.
2003 – 2004	: Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Phân phối FPT.
2004 – 2006	: Kế toán trưởng - Công ty TNHH Giải pháp phần mềm FPT.
01/2007 – 6/2007	: Kế toán - Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT.
7/2007 – 01/2026	: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban kế toán tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
4/2019 – nay	: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

BAN ĐIỀU HÀNH



BÀ NGUYỄN THỊ HẠNH

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác

01/01/1998 - 30/6/2006	: Kế toán trưởng - Công ty TM & SX Ngọc Diệp.
01/7/2006 - 31/3/2007	: Phụ trách Kế toán - Công ty XNKTHĐT Thành phố HCM – CNHN.
01/4/2007 - 30/5/2008	: Chuyên viên Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
01/6/2008 - 30/4/2013	: Phó Giám đốc phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
01/5/2013 - 30/6/2021	: Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
01/7/2021 - nay	: Giám đốc Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
23/7/2025 - nay	: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.



BÀ NGUYỄN THỊ SƠN

Kế toán trưởng

(Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng từ ngày 01/02/2026)

Năm sinh : 1980

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác

3/2003 - 12/2006	: Kế toán viên - Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm FPT.
01/2007 - 6/2007	: Kế toán viên - Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT.
7/2007 - 10/2007	: Kế toán tổng hợp - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
11/2007 - 5/2009	: Phó Phòng kế toán tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
6/2009 - 01/2026	: Phó Ban kế toán tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
02/2026 - nay	: Kế toán trưởng, Trưởng Ban kế toán tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Thông tin về Công ty con, liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

Phần 03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

01. Tổng quan ngành Chứng khoán Việt Nam năm 2025

02. Báo cáo hoạt động Ban Tổng Giám đốc

03. Tổ chức và nhân sự

04. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

05. Triển vọng kinh doanh năm 2026

06. Kế hoạch phát triển trong tương lai

07. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

08. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

TỔNG QUAN NGÀNH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2025

Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn tăng trưởng mạnh của thị trường chứng khoán Việt Nam, với diễn biến tích cực cả về điểm số và thanh khoản. VN-Index khép lại năm tại mức 1.784,49 điểm, xác lập đỉnh lịch sử mới theo giá đóng cửa, tăng 517,71 điểm, tương đương 40,87% so với cuối năm 2024. Trong khi đó, HNX-Index khép lại năm tại mức 248,77 điểm, dù điều chỉnh nhẹ vào thời điểm cuối năm nhưng lũy kế cả năm vẫn tăng 21,34 điểm, tương ứng 9,38%.

Thanh khoản thị trường cải thiện rõ nét, với khối lượng giao dịch bình quân trên HOSE đạt hơn 1 tỷ cổ phiếu/ phiên, tăng 29% so với năm 2024; trên HNX đạt gần 93,40 triệu cổ phiếu/ phiên, tăng hơn 32%. Diễn biến này phản ánh sự quay trở lại mạnh mẽ của dòng tiền trong nước, đồng thời cho thấy kỳ vọng của nhà đầu tư đối với một chu kỳ tăng trưởng mới của thị trường.

Tuy nhiên, đà tăng của thị trường trong năm 2025 không diễn ra một chiều, mà chịu tác động đan xen từ các yếu tố bên ngoài, tiến trình hoàn thiện hạ tầng và khuôn khổ pháp lý, cũng như những thay đổi về cấu trúc và mức độ cạnh tranh của ngành. Trong bối cảnh đó, một số sự kiện nổi bật trong năm 2025 đã có ảnh hưởng đáng kể đến xu hướng vận động của thị trường chứng khoán Việt Nam.

1.784,49 Điểm
VN-INDEX

↑ **40,87%**
so với cuối năm 2024

1.000 Triệu cổ phiếu / phiên
KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH BÌNH QUÂN TRÊN HOSE
↑ **29%**
so với năm 2024

93,40 Triệu cổ phiếu / phiên
KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH BÌNH QUÂN TRÊN HNX
↑ **32%**
so với năm 2024

1 GIA TĂNG RỦI RO THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

Ngày 02/4/2025, Hoa Kỳ công bố áp dụng các biện pháp thuế quan đối với một số quốc gia, trong đó có Việt Nam. Sự kiện này làm gia tăng lo ngại về triển vọng thương mại quốc tế, ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư trong ngắn hạn và tạo thêm áp lực lên các nhóm ngành liên quan đến xuất khẩu. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục thể hiện khả năng thích ứng tương đối tốt, góp phần duy trì nền tảng cho thị trường vốn. Mặc dù vậy, thị trường nhanh chóng hấp thụ thông tin và duy trì xu hướng tích cực trong các tháng tiếp theo, cho thấy vai trò dẫn dắt ngày càng rõ nét của dòng tiền trong nước.



2 HOÀN THIỆN HẠ TẦNG GIAO DỊCH HỆ THỐNG KRX CHÍNH THỨC VẬN HÀNH

Ngày 05/5/2025, Hệ thống công nghệ thông tin mới cho thị trường chứng khoán Việt Nam (Hệ thống KRX) được chính thức đưa vào vận hành. Việc đưa hệ thống KRX vào vận hành giúp nâng cao năng lực xử lý giao dịch, cải thiện tính minh bạch và an toàn hệ thống, đồng thời tạo nền tảng cho việc triển khai các sản phẩm và nghiệp vụ mới theo thông lệ quốc tế. Đây được xem là bước chuẩn bị quan trọng cho quá trình phát triển thị trường theo chiều sâu.

TỔNG QUAN NGÀNH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2025

3 HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ PHỤC VỤ MỤC TIÊU NÂNG HẠNG

Ngày 11/9/2025, Nghị định 245/2025/NĐ-CP chính thức được ban hành nhằm sửa đổi và cập nhật Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Đây là văn bản pháp lý quan trọng quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Ngoài nội dung hướng dẫn thi hành Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP còn được xây dựng để khắc phục một số bất cập phát sinh trong thực tiễn hoạt động của TTCK, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK, bảo đảm TTCK hoạt động công khai, minh bạch, hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường.

4 CỘT MỐC QUAN TRỌNG TRONG LỘ TRÌNH NÂNG HẠNG THỊ TRƯỜNG

Ngày 08/10/2025, Việt Nam ghi nhận bước tiến quan trọng trong lộ trình được các tổ chức xếp hạng thị trường quốc tế đánh giá khả năng nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp. Sự kiện này phản ánh kết quả của các nỗ lực cải cách về hạ tầng, pháp lý và mức độ mở cửa thị trường, đồng thời củng cố kỳ vọng về khả năng thu hút dòng vốn trung - dài hạn trong giai đoạn tới. Trong bối cảnh VN-Index duy trì đà tăng mạnh và thanh khoản cải thiện rõ rệt trong nửa cuối năm, sự kiện này được xem là yếu tố củng cố thêm niềm tin thị trường và kỳ vọng trung - dài hạn của nhà đầu tư.

5 GIA TĂNG CẠNH TRANH NGÀNH VÀ TÁI CẤU TRÚC NGÀNH CHỨNG KHOÁN

Một số Công ty chứng khoán quy mô lớn công bố kế hoạch tái cấu trúc hoạt động và chuẩn bị các phương án huy động vốn trung - dài hạn, bao gồm việc xem xét chào bán cổ phần ra công chúng. Diễn biến này phản ánh kỳ vọng của thị trường đối với chu kỳ tăng trưởng mới, đồng thời cho thấy mức độ cạnh tranh trong ngành chứng khoán ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh thanh khoản thị trường cải thiện mạnh và VN-Index xác lập mặt bằng điểm số mới, các Công ty chứng khoán đứng trước yêu cầu cao hơn về năng lực tài chính, đầu tư công nghệ, chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản trị, qua đó thúc đẩy quá trình sàng lọc và tái cấu trúc theo hướng phát triển bền vững.

Trong bối cảnh thị trường bước vào giai đoạn tăng trưởng mới với nhiều cơ hội song hành cùng thách thức, FPTS kiên định chiến lược phát triển thận trọng, tập trung vào các mảng kinh doanh cốt lõi, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và đầu tư có chọn lọc vào công nghệ và con người. Trên nền tảng đó, Công ty chủ động tối ưu hiệu quả hoạt động, củng cố chất lượng dịch vụ và duy trì kỷ luật tài chính, nhằm hướng tới tăng trưởng bền vững và tạo giá trị dài hạn cho cổ đông.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025 SO VỚI KẾ HOẠCH

Tổ chức, nhân sự

Ngày 02/4/2025, thành lập Khối Dịch vụ chứng khoán (FSS) để phù hợp với tình hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức.

Nhân sự đầu năm 458 người, cuối năm 415 người.

Công nghệ, sản phẩm dịch vụ

Ra mắt New Apps với nhiều cải tiến.

Thực hiện kết nối thành công với hệ thống KRX của các SGDCK và VSDC.

Tiếp tục phát triển, nâng cấp hệ thống, hoàn thiện các tiện ích dành cho nhà đầu tư và cho khách hàng doanh nghiệp.

Thực hiện giảm phí giao dịch về Zero fee.

Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ, gia tăng năng lực hệ thống và đảm bảo hệ thống được vận hành an toàn, ổn định để phục vụ khách hàng.

Nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn đầu tư.

Quản lý rủi ro

Chủ động nhận dạng, đánh giá rủi ro để giảm thiểu rủi ro. Đảm bảo không phát sinh nợ xấu trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Khác

Hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5%. Hoàn thành phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 10% và phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ quản lý theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2025 đã thông qua.

Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch.

Hoàn thiện hệ thống quy trình, vận hành theo quy trình và thực hiện đánh giá chất lượng.

Trong hoạt động của mình, Công ty luôn gắn liền mục tiêu lợi nhuận với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Công ty cũng đã phối hợp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức nhiều hội thảo để tăng sự hiểu biết của cộng đồng đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp nhằm hướng tới sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán nói chung. Đối với người lao động, Công ty luôn quan tâm chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động thông qua hoạt động khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm sức khỏe, phòng tập thể thao,...

"Năm 2025 khép lại với những kết quả tích cực của FPTS giữa bối cảnh thị trường chứng khoán cạnh tranh ngày càng gay gắt. Công ty ghi nhận Doanh thu đã thực hiện đạt 1.321,68 tỷ đồng, tăng 31,37% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế đã thực hiện đạt 617,30 tỷ đồng, tăng 20,41% so với cùng kỳ.

Kết quả này không chỉ giúp FPTS hoàn thành vượt mức kế hoạch năm, với tỷ lệ thực hiện doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 132,17% và 123,46%, mà còn phản ánh nỗ lực linh hoạt thích ứng, tối ưu hóa các mảng nghiệp vụ cốt lõi và quản trị chi phí hiệu quả của Ban lãnh đạo cùng đội ngũ nhân viên."

1.321,68 Tỷ đồng

DOANH THU ĐÃ THỰC HIỆN

đạt **132,17%**

so với Kế hoạch năm 2025

↑ **31,37%**

so với Thực hiện năm 2024

617,30 Tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐÃ THỰC HIỆN

đạt **123,46%**

so với Kế hoạch năm 2025

↑ **20,41%**

so với Thực hiện năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng trưởng
1	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**	**944,17**	**1.147,75**	**1.205,81**	**5,06%**
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	155,20	245,49	157,76	-35,74%
1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	443,22	589,27	753,62	27,89%
1.3	Doanh thu môi giới chứng khoán	297,41	250,44	215,51	-13,95%
1.4	Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	0,56	-
1.5	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	4,07	13,22	13,59	2,80%
1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	11,10	12,56	19,25	53,26%
1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	32,77	36,50	44,93	23,10%
1.8	Thu nhập hoạt động khác	0,39	0,28	0,58	107,14%
2	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**	**328,96**	**405,56**	**620,10**	**52,90%**
2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	2,88	0,91	2,58	183,52%
2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	116,14	179,00	368,50	105,87%
2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	0,11	0,42	0,84	100,00%
2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	174,88	180,56	187,06	3,60%
2.5	Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	0,50	-
2.6	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	3,77	12,09	17,66	46,07%
2.7	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	16,62	18,01	23,95	32,98%
2.8	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	14,57	14,58	19,00	30,32%
2.9	Chi phí các dịch vụ khác	-	-	-	-

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng trưởng
3	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**	**9,11**	**8,83**	**9,26**	**4,87%**
3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	9,11	8,83	9,26	4,87%
4	**CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**83,58**	**89,84**	**85,55**	**-4,78%**
5	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**	**540,73**	**661,17**	**509,41**	**-22,95%**
6	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**	**1,21**	**2,00**	**1,28**	**-36,00%**
6.1	Thu nhập khác	48,68	58,10	69,91	20,33%
6.2	Chi phí khác	47,46	56,10	68,63	22,34%
7	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**	**541,94**	**663,17**	**510,69**	**-22,99%**
8	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**	**444,92**	**567,32**	**396,75**	**-30,07%**

Mặc dù doanh thu đến từ hai hoạt động là môi giới chứng khoán và lãi từ FVTPL có sự sụt giảm so với năm 2024, tương ứng tỷ lệ giảm 13,95% và 35,74%. Nhưng với mức tăng trưởng 27,89% lãi từ các khoản cho vay và phải thu đã dẫn dắt đà tăng trưởng doanh thu của FPTS, đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh tích cực của Công ty. Mảng doanh thu hoạt động tư vấn tài chính tuy chỉ chiếm 3,73% nhưng tăng trưởng ổn định qua các năm, năm 2025 tăng 23,10% so với cùng kỳ.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	Tăng trưởng
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**8.045,92**	**9.580,16**	**13.750,83**	**43,53%**
Tài sản tài chính	8.041,27	9.574,61	13.746,42	43,57%
Tài sản ngắn hạn khác	4,64	5,55	4,42	-20,36%
TÀI SẢN DÀI HẠN	**188,77**	**179,40**	**168,84**	**-5,89%**
Tài sản cố định	155,49	142,60	132,80	-6,87%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	33,28	36,80	36,05	-2,04%
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-	-	-	-
TỔNG TÀI SẢN	**8.234,68**	**9.759,56**	**13.919,68**	**42,63%**

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng trưởng
NỢ PHẢI TRẢ	**4.590,75**	**5.641,59**	**9.499,71**	**68,39%**
Nợ phải trả ngắn hạn	4.590,75	5.641,59	9.499,71	68,39%
Nợ phải trả dài hạn	-	-	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**3.643,94**	**4.117,97**	**4.419,97**	**7,33%**
Vốn chủ sở hữu	3.643,94	4.117,97	4.419,97	7,33%
Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**8.234,68**	**9.759,56**	**13.919,68**	**42,63%**

13.919,68 Tỷ đồng

TỔNG TÀI SẢN

↑ **42,63%**

so với năm 2024

9.499,71 Tỷ đồng

NỢ PHẢI TRẢ

↑ **68,39%**

so với năm 2024

Tính đến cuối năm 2025, tổng tài sản của Công ty tăng mạnh từ 9.759,56 tỷ đồng lên 13.919,68 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng 42,63% so với thời điểm đầu năm. Động lực cốt lõi dẫn dắt sự bứt phá này đến từ nhóm tài sản ngắn hạn. Trong cơ cấu ngắn hạn, các khoản cho vay và tiền, tương đương tiền là những khoản mục có tác động trọng yếu nhất. Ở chiều ngược lại, tài sản dài hạn giảm nhẹ 5,89%, nguyên nhân chủ yếu do ghi nhận khấu hao tài sản cố định.

Năm 2025, nguồn vốn đạt 13.919,68 tỷ đồng, tăng 42,63% so với đầu năm. Trong đó, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu ghi nhận mức tăng lần lượt là 68,39% và 7,33%. Sự gia tăng của nợ phải trả thời điểm cuối năm chủ yếu đến từ khoản mục vay ngắn hạn khi chiếm tỷ trọng hơn 92,19% nợ phải trả, nhằm bổ sung nguồn lực cho hoạt động cho vay ký quỹ. Vốn chủ sở hữu tăng trong kỳ chủ yếu đến từ phần lợi nhuận chưa phân phối tích lũy.

Trong năm, Công ty không phát sinh nợ quá hạn và không chịu ảnh hưởng biến động tỷ giá hối đoái.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,75	1,70	1,45
Hệ số thanh toán tức thời	Lần	0,27	0,10	0,31
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/ Tổng tài sản bình quân	%	67,90	62,70	80,24
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	131,31	145,37	222,53
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Doanh thu hoạt động/ Vốn chủ sở hữu bình quân	Vòng	0,27	0,30	0,28
Doanh thu hoạt động/ Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,14	0,13	0,10
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động	%	47,12	49,43	32,90
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	6,58	6,31	3,35
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	12,73	14,62	9,29



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Trước áp lực cạnh tranh gay gắt về phí giao dịch và lãi suất, FPTS đã chủ động điều chỉnh cấu trúc tài chính theo hướng mở rộng quy mô vốn vay để tài trợ cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, đồng thời chấp nhận sự sụt giảm ngắn hạn về hiệu quả sinh lời để củng cố thị phần và quản trị rủi ro.
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2025 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

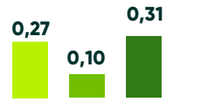
Lượng tiền mặt dồi dào giúp hệ số thanh toán tức thời cải thiện đáng kể so với năm 2024. Đồng thời, tốc độ tăng của nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn trong năm 2025 nên hệ số thanh toán ngắn hạn giảm nhẹ xuống 1,45 lần, nhưng vẫn duy trì mức an toàn.

Năm 2023
Năm 2024
Năm 2025

Đơn vị: Lần



Hệ số thanh toán ngắn hạn



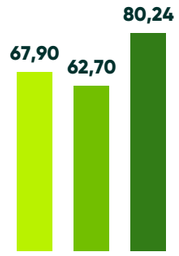
Hệ số thanh toán tức thời

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

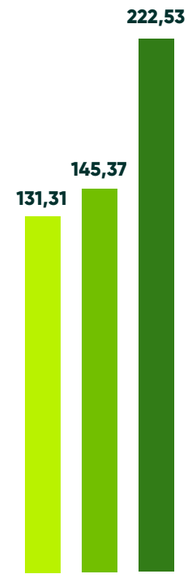
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu năm 2025 tăng lần lượt 68,39% và 7,33%. Việc gia tăng hoạt động cho vay ký quỹ đã tác động hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 62,70% lên 80,24%, và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng lên 222,53%. Cơ cấu nợ phải trả của Công ty tiếp tục duy trì chỉ bao gồm nợ ngắn hạn.

Năm 2023
Năm 2024
Năm 2025

Đơn vị: %



Hệ số nợ/ Tổng tài sản bình quân



Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu bình quân

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

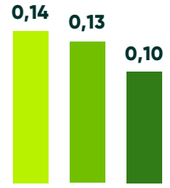
Tốc độ tăng doanh thu hoạt động chậm hơn tốc độ mở rộng quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu, hệ số doanh thu hoạt động trên tổng tài sản bình quân và vốn chủ sở hữu bình quân giảm nhẹ, lần lượt đạt 0,10 vòng và 0,28 vòng.

Năm 2023
Năm 2024
Năm 2025

Đơn vị: Vòng



Doanh thu hoạt động/ Vốn chủ sở hữu bình quân



Doanh thu hoạt động/ Tổng tài sản bình quân

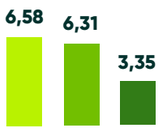
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2025 đều có sự sụt giảm do tác động từ việc đánh giá lại tài sản FVTPL lên lợi nhuận, trong khi quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lại tăng mạnh.
Chỉ số ROA giảm từ 6,31% năm 2024 xuống 3,35% trong năm 2025. Chỉ số ROE giảm từ 14,62% năm 2024 xuống 9,29% trong năm 2025.



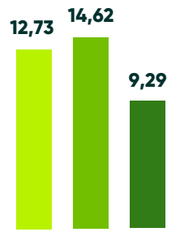
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động

Năm 2023
Năm 2024
Năm 2025



Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)

Đơn vị: %



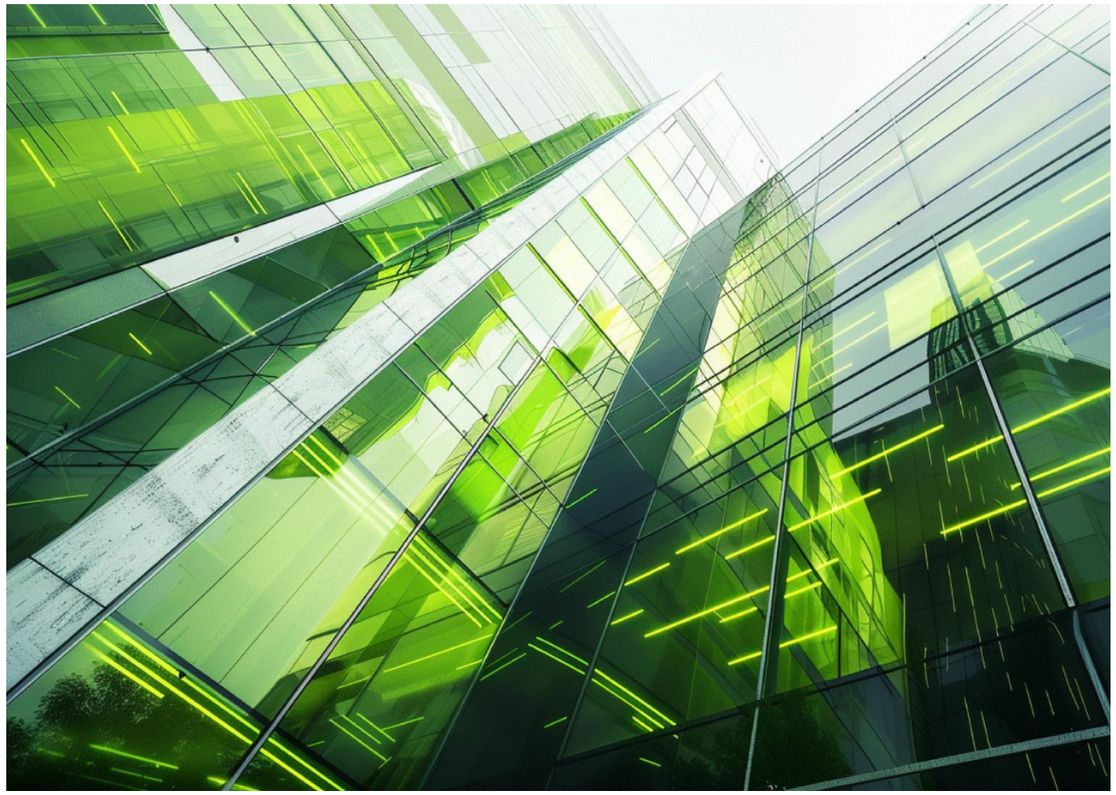
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Đơn vị tính: Người

STT	Tiêu chí	Năm 2024	Năm 2025
I	**THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG**		
1	Đại học và trên Đại học	431	395
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	12	8
3	Lao động phổ thông	15	12
II	**THEO GIỚI TÍNH**		
1	Nam	233	207
2	Nữ	225	208
	TỔNG CỘNG	**458**	**415**



Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn. Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chính sách đào tạo cán bộ

Cán bộ, nhân viên tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.



Chính sách phúc lợi xã hội

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT,...). Đặc biệt, Công ty có thực hiện chính sách mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện FPT Care cho toàn thể cán bộ, nhân viên. Hàng năm Công ty có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc, tổ chức cho cán bộ, nhân viên của Công ty tham gia các hoạt động tập thể, teambuilding,... Ngoài ra Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật cán bộ, nhân viên,...).

Chính sách lương thưởng

Chính sách trả lương: Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.

Lương ngoài giờ: Công ty hỗ trợ và trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ Luật lao động hiện hành và thỏa ước lao động tập thể.

Chính sách thưởng: Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng thứ 13. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm Công ty thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho cán bộ, nhân viên của Công ty theo năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Không có

Triển vọng kinh doanh năm 2026

Bước sang năm 2026, kinh tế toàn cầu được kỳ vọng ổn định hơn khi tăng trưởng duy trì ở mức vừa phải và tâm lý thị trường được hỗ trợ bởi triển vọng nới lỏng chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn. Các tổ chức quốc tế (IMF, World Bank, OECD) dự báo kinh tế toàn cầu duy trì tăng trưởng ổn định ở mức 2,6%-3,0% tương đương năm 2025. Tuy vậy, rủi ro vẫn hiện hữu từ xung đột thương mại và biến động chính sách thuế quan, khiến dòng vốn quốc tế tiếp tục phân hóa theo mức độ ổn định vĩ mô và chất lượng tăng trưởng của từng thị trường.

Tại Việt Nam, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên; nền tảng vĩ mô năm 2026 được đánh giá tích cực nhờ đầu tư công tăng tốc, cải cách thể chế và sự phục hồi của cầu nội địa. Mặt bằng lãi suất được kỳ vọng duy trì ở mức hợp lý, qua đó hỗ trợ hoạt động sản xuất – kinh doanh và củng cố triển vọng lợi nhuận doanh nghiệp.

Đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, năm 2026 được kỳ vọng bước vào giai đoạn mở rộng chu kỳ của thị trường, với định giá tương đối hấp dẫn và các cải cách thị trường tiếp tục được thúc đẩy. Câu chuyện nâng hạng được xem là chất xúc tác quan trọng cho dòng vốn và thanh khoản. Trong bối cảnh đó, FPTS có cơ hội gia tăng quy mô ở các mảng cốt lõi (môi giới, cho vay), đồng thời mở rộng tư vấn tài chính doanh nghiệp khi nhu cầu huy động vốn và các thương vụ thị trường tăng lên. Trọng tâm là nâng cấp công nghệ, tối ưu nguồn lực và tăng cường quản trị rủi ro để tận dụng hiệu quả cơ hội tăng trưởng trong năm 2026.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2025 và dự báo tình hình thị trường năm 2026, Ban Tổng Giám đốc FPTS dự kiến kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2026 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)	Tăng trưởng
Doanh thu đã thực hiện	1.321,68	1.200,00	-9,21%
Lãi trước thuế đã thực hiện	617,30	550,00	-10,90%

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Nhân sự

- Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, nhân viên.

Công nghệ, sản phẩm dịch vụ

- Phát triển và cho ra đời sản phẩm/ tiện ích mới dành cho khách hàng;
- Ra mắt Web Trading mới;
- Ứng dụng công nghệ AI vào các hoạt động;
- Liên tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống để đảm bảo hệ thống vận hành an toàn với số lượng giao dịch lớn;
- Hệ thống hoạt động an toàn, hiệu quả.







Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

1 TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG

Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống nhưng FPTS luôn ý thức được tầm quan trọng của hai nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với nhu cầu chung của xã hội. Công ty luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực không ngừng nghỉ.

FPTS áp dụng thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ, nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng;
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa;
- Vòi nước được lắp đặt với cơ chế nhấn hơi tiết kiệm nước.

Từ năm 2019, FPTS đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, nước, để duy trì và phát huy hiệu quả lâu dài của hoạt động này, trong các năm sau đó, FPTS đã đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm đến từng cán bộ, nhân viên trong Công ty.

Từ năm 2022, Công ty đã thực hiện dán film chống nhiệt mặt kính tòa nhà để tiết kiệm năng lượng tối đa.

2 TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngoài việc cung cấp các phúc lợi như lương, thưởng cho nhân viên, FPTS còn muốn trao quyền cho nhân viên để có thể cải thiện con đường sự nghiệp của họ trong tương lai và chuẩn bị cho họ đối mặt với những thách thức toàn cầu của thị trường lao động. Vì vậy, Công ty chú trọng việc đào tạo cho các cấp độ nhân viên và lãnh đạo khác nhau của mình bằng nhiều hình thức. Bên cạnh đó, việc giáo dục và đào tạo nhân viên cũng góp phần giúp doanh nghiệp đảm bảo được yêu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng lao động và dịch vụ khách hàng.

FPTS quản trị vấn đề giáo dục và đào tạo của mình thông qua một hệ thống các chương trình đào tạo nhân viên mới và đào tạo nghiệp vụ nội bộ. Báo cáo kết quả đào tạo được phòng Nhân sự báo cáo Ban Tổng Giám đốc một năm một lần hoặc theo từng sự kiện diễn ra trong năm.

Ngoài ra định kỳ hàng tháng, Công ty cũng trao thưởng cho chuyên viên tư vấn đầu tư có thành tích tốt nhất và vinh danh những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhất hàng năm nhằm tạo động lực phấn đấu, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3 TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Việc tuân thủ các luật định về môi trường, kinh tế, xã hội thể hiện trách nhiệm cơ bản của doanh nghiệp đối với các tác động của mình. FPTS luôn đảm bảo mức độ tuân thủ của mình ở mức cao nhất. Điều đó giúp FPTS khẳng định năng lực quản lý của mình, hạn chế các nghĩa vụ khắc phục, tạo thế mạnh cho hồ sơ doanh nghiệp.

Bộ phận văn phòng, nhân sự và các bộ phận nghiệp vụ có trách nhiệm cập nhật các yêu cầu pháp luật liên quan để đảm bảo sự tuân thủ và điều chỉnh tương ứng các hoạt động của Công ty. Công ty lập một danh mục các văn bản luật và các yêu cầu cụ thể để áp dụng với toàn thể cán bộ, nhân viên.

BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Trong bối cảnh bùng nổ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, vấn đề về bảo mật thông tin trở thành vấn đề mà mọi doanh nghiệp đều quan tâm. FPTS luôn cố gắng duy trì sự riêng tư của khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích của khách hàng và bản thân doanh nghiệp. Cam kết bảo mật này được quy định trong các thỏa thuận ràng buộc trong hợp đồng mà doanh nghiệp ký kết với từng đối tác cụ thể.



FPTS quản trị vấn đề bảo mật thông tin khách hàng thông qua một hệ thống được phân quyền theo các lớp module, phân quyền đến từng user. Các thông tin về bảo mật thông tin khách hàng được cập nhật đến Ban lãnh đạo thường xuyên hoặc theo thời điểm phát sinh vấn đề.

HOẠT ĐỘNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Trải qua hơn 18 năm xây dựng và phát triển, FPTS đã liên tục gặt hái được rất nhiều thành công, đạt được sự tin tưởng của khách hàng, khẳng định vị trí là công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Trong nỗ lực không ngừng với mong muốn trở thành một định chế tài chính hùng mạnh, liên tục các năm qua FPTS đã đóng góp không nhỏ vào ngân sách của Nhà nước và địa phương, đảm bảo việc làm với thu nhập ổn định cho hàng trăm lao động, cung cấp ra thị trường các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng hệ thống giao dịch an toàn, thuận tiện, chính xác, nhanh chóng và công bằng, từ đó dần thay đổi bộ mặt thị trường chứng khoán, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cả nước và kinh tế địa phương.



Phần 04

QUẢN TRỊ CÔNG TY

01. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

02. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

03. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2026

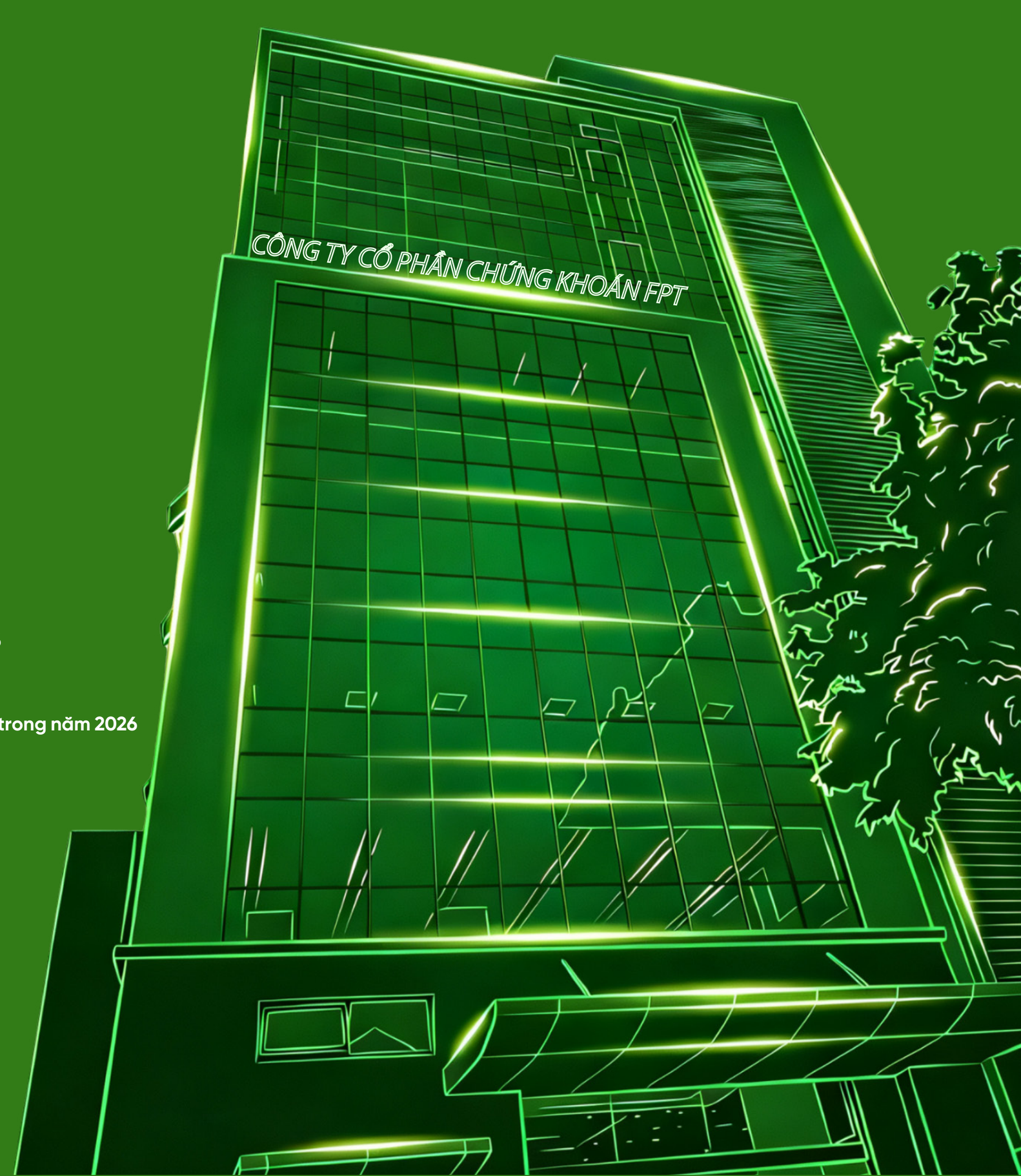
04. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2025

05. Kiến nghị và phương hướng hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2026

06. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

07. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

08. Quản trị rủi ro



ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2025, tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 3,20%. Chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ với các gói áp thuế mới đã gây nên những xáo trộn trong dòng chảy thương mại và dòng vốn đầu tư trên toàn cầu. Thế giới vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức từ áp lực nợ cao và bất ổn địa chính trị. Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, cho phép các ngân hàng trung ương lớn bắt đầu hạ lãi suất. Trong năm 2025 FED đã thực hiện cắt giảm lãi suất 3 lần, tổng cộng cắt giảm cả năm 2025 là 0,75% đưa lãi suất về 3,50%-3,75%. Mức độ tăng trưởng tại các khu vực và các nền kinh tế lớn có sự phân hóa khác nhau. Theo dự báo của IMF, năm 2025, nhóm nền kinh tế tiên tiến bao gồm khu vực Bắc Mỹ và Châu Âu đạt mức tăng trưởng 1,60%, trong khi đó khu vực Châu Á Thái Bình Dương được dự báo tăng trưởng khá cao so với mức trung bình của thế giới, đạt khoảng 4,50%.

Tại Việt Nam, năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng GDP ấn tượng 8,02%, đạt mục tiêu Quốc hội và Chính phủ đề ra. GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2024. Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31%, thấp hơn mức tăng 3,63% của năm 2024 vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 3,21%.

Số lượng đăng ký doanh nghiệp năm 2025 tăng cao nhờ Nghị quyết số 68-NQ/TW được triển khai và phát huy hiệu quả. Số doanh nghiệp gia nhập thị trường đạt 297,50 nghìn doanh nghiệp, tăng 27,40% so với năm trước, gấp 1,30 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường; tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế năm 2025 đạt gần 6,40 triệu tỷ đồng, tăng 77,80% so với năm 2024, trong đó số vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động đạt hơn 4,40 triệu tỷ đồng, tăng 118,30%.

Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện trong năm đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9%, là mức thực hiện cao nhất trong giai đoạn 2021-2025.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐÃ THỰC HIỆN
617,30 Tỷ đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU
4.419,97 Tỷ đồng

TỔNG TÀI SẢN
13.919,68 Tỷ đồng

Năm 2025, FPTS ghi nhận lợi nhuận trước thuế đã thực hiện 617,30 tỷ đồng, hoàn thành 123,46% kế hoạch và tăng 20,4% so với năm 2024. Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của FPTS đạt 13.919,68 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 4.419,97 tỷ đồng. Trong năm 2025, Công ty cũng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 3.059 tỷ đồng lên đến 3.465 tỷ đồng. Kết quả trên đã phản ánh nỗ lực của Ban lãnh đạo và đội ngũ nhân viên trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

VỀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

FPTS đã mở mới 15.584 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 3.779 tài khoản chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư trong năm 2025. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2025 là 244.354 tài khoản chứng khoán cơ sở và 37.881 tài khoản chứng khoán phái sinh. Năm 2025, thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền tại HOSE là 2,56% (ngoài Top 10), tại HNX là 2,92% (đứng thứ 8), tại sàn đăng ký giao dịch Upcom là 3,62% (đứng thứ 8) và FPTS đứng thứ 8 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh với 2,39%.

VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ

FPTS tiếp tục định hướng quản lý rủi ro chặt chẽ, đảm bảo an toàn, không xảy ra nợ xấu.

VỀ MẢNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Công ty đã tập trung nâng cao trình độ của chuyên viên tư vấn, mở rộng thêm nhiều khách hàng doanh nghiệp. Năm 2025 doanh thu mảng này đã đạt 44,93 tỷ đồng.

VỀ CÔNG NGHỆ

Công ty tiếp tục ưu tiên vấn đề nghiên cứu, hoàn thiện, phát triển các sản phẩm công nghệ và đảm bảo vận hành hệ thống công nghệ ổn định, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt động kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kiên định giá trị Linh hoạt hành động

Ngoài việc tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển khách hàng, Công ty cũng đã dành sự quan tâm đáng kể đến đội ngũ người lao động và các trách nhiệm xã hội khác. Một vài hoạt động có thể kể đến là:

- Chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động thông qua hoạt động khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm sức khỏe, phòng tập thể thao,...
- Tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu về cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam và trang bị kiến thức đầu tư tới đông đảo cộng đồng đầu tư, góp phần vào sự phát triển bền vững của thị trường.







Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	15/01/2025	Ban hành Chính sách quản trị rủi ro FPTS năm 2025.	100%
2	01-2025/NQ/HĐQT/FPTS	05/02/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025; Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.	100%
3	02-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	19/3/2025	Về việc vay vốn VIB và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại VIB.	100%
4	02-2025/NQ/HĐQT/FPTS	01/4/2025	Thống nhất triển khai thực hiện phương án phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP), đồng thời giao cho Tổng Giám đốc đại diện Công ty triển khai thực hiện.	100%
5	03-2025/NQ/HĐQT/FPTS	01/4/2025	Chấp thuận việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa FPTS với người có liên quan quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.	100%
6	04-2025/NQ/HĐQT/FPTS	25/4/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý I năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh Quý II năm 2025; Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2025; Thông qua phương án trả cổ tức năm 2024 bằng tiền và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%
7	03-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	25/4/2025	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2024 bằng tiền và cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%
8	04-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	25/4/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn Vietcombank và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại Vietcombank.	100%
9	05-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	14/5/2025	Về việc Ban hành Quy định quản trị rủi ro FPTS năm 2025.	100%
10	06-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	15/5/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn tại ngân hàng ACB.	100%

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	05-2025/NQ/HĐQT/FPTS	21/5/2025	Thông qua việc chấm dứt hoạt động Phòng giao dịch Trần Bình Trọng thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh do thay đổi phương thức kinh doanh.	100%
12	07-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	21/5/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn tại ngân hàng HDBank.	100%
13	08-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	26/5/2025	Tăng vốn điều lệ Công ty do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%
14	09-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	30/5/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn VIB và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại VIB.	100%
15	10-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	04/6/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn Techcombank.	100%
16	11-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	06/6/2025	Sửa đổi Phụ lục 01 Điều lệ Công ty cập nhật vốn điều lệ.	100%
17	06-2025/NQ/HĐQT/FPTS	11/6/2025	Thông qua việc chấm dứt hoạt động Phòng giao dịch Kỳ Đồng và Phòng giao dịch Hàn Thuyên thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT do thay đổi phương thức kinh doanh.	100%
18	12-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	02/7/2025	Tăng vốn điều lệ Công ty do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.	100%
19	13-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	16/7/2025	Sửa đổi Phụ lục 01 Điều lệ Công ty về việc tăng vốn do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.	100%
20	07-2025/NQ/HĐQT/FPTS	23/7/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý II năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh Quý III năm 2025; Thông qua miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hạnh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.	100%
21	14-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	23/7/2025	Miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.	100%
22	15-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	23/7/2025	Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hạnh giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp.	100%
23	16-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	16/9/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại ngân hàng Vietinbank.	100%
24	17-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	16/10/2025	Miễn nhiệm bà Tưởng Nữ Thu Lan thôi giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.	100%
25	18-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	16/10/2025	Bổ nhiệm ông Đinh Quang Thuần giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.	100%
26	08-2025/NQ/HĐQT/FPTS	23/10/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý III năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh Quý IV năm 2025; Thông qua miễn nhiệm bà Tưởng Nữ Thu Lan thôi giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và bổ nhiệm ông Đinh Quang Thuần giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.	100%
27	19-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	02/12/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn tại ngân hàng HDBank.	100%
28	20-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	31/12/2025	Ban hành lại hệ thống thang lương, bảng lương FPTS.	100%



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và điều hành công việc hàng ngày của Công ty. Việc giám sát của HĐQT được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đồng thời việc điều hành kinh doanh của Ban Điều hành không bị cản trở.

HĐQT đánh giá rằng Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã thực hiện các quyết định cần thiết để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn, hướng tới sự phát triển bền vững cho Công ty. Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông Công ty.
Trong năm Tổng Giám đốc đã thực hiện trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Tổng Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý. Năm 2025, các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.
Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của FPTS vẫn đảm bảo sự an toàn, chắc chắn; doanh thu đã thực hiện đạt trên 132% và lợi nhuận trước thuế đã thực hiện đạt trên 123% so với mức kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã đưa ra.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2026

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2025 và dự báo tình hình thị trường năm 2026, HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025	% Tăng trưởng
Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính (Tỷ đồng)	1.200	1.321,68	-9,21%
Lợi nhuận trước thuế thực hiện (Tỷ đồng)	550	617,30	-10,9%

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2025

Danh sách thành viên Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên Uỷ ban kiểm toán	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Trần Thanh Tùng	Chủ tịch	27/4/2022	Cử nhân	0%
2	Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên	22/4/2021	Cử nhân	0,23%

Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Thanh Tùng	2/2	100%	100%	-
2	Ông Đỗ Sơn Giang	2/2	100%	100%	-

Trong năm 2025, Uỷ ban kiểm toán thực hiện chức năng giám sát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Uỷ ban kiểm toán. Hoạt động giám sát tập trung vào việc thực thi chức trách, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý, đồng thời đánh giá hiệu lực vận hành của hệ thống quản trị, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Trên cơ sở các báo cáo, tài liệu do Ban Điều hành cung cấp, kết quả trao đổi làm việc và các nội dung giám sát đã thực hiện, Uỷ ban kiểm toán không ghi nhận các dấu hiệu bất thường trọng yếu liên quan đến công tác quản lý, điều hành của Công ty trong năm. Các hoạt động quản lý, điều hành và tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ và vận hành hệ thống giao dịch được thực hiện phù hợp với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ thẩm quyền được giao, các quy định nội bộ và quy định pháp luật hiện hành, đồng thời gắn với các cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành.

Trên cơ sở kết quả giám sát, Uỷ ban kiểm toán không ghi nhận các vấn đề trọng yếu có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả quản trị, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của Công ty. Các nội dung giám sát là cơ sở để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá các vấn đề liên quan đến lợi ích của các bên liên quan và định hướng mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty.

KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2026



Kiến nghị của Ủy ban kiểm toán

Trên cơ sở kết quả giám sát trong năm 2025 và đánh giá các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong năm 2026, Uỷ ban kiểm toán kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành tiếp tục duy trì quan điểm quản trị thận trọng, bảo đảm hiệu quả của hệ thống quản trị, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ trong toàn bộ hoạt động.

Việc theo dõi, đánh giá các yếu tố vĩ mô trong nước và quốc tế, bao gồm chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các yếu tố có thể ảnh hưởng đến điều kiện thị trường, cần được thực hiện thường xuyên và có hệ thống nhằm kịp thời nhận diện rủi ro có thể tác động đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và khả năng thực hiện mục tiêu dài hạn của Công ty.

Uỷ ban kiểm toán đồng thời kiến nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và các quy trình kiểm soát nội bộ, bảo đảm phù hợp với quy mô hoạt động, mức độ phức tạp của sản phẩm, dịch vụ và yêu cầu quản trị trong giai đoạn tới, qua đó tăng cường khả năng bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

Phương hướng hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Trong năm 2026, Uỷ ban kiểm toán tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Uỷ ban kiểm toán. Trọng tâm giám sát bao gồm việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; hoạt động quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc; cũng như hiệu lực vận hành của hệ thống quản trị, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Uỷ ban kiểm toán tăng cường theo dõi việc triển khai các biện pháp quản trị rủi ro theo các kịch bản đã được xây dựng, đánh giá mức độ phù hợp của các cơ chế kiểm soát trong bối cảnh điều kiện hoạt động có thể thay đổi. Trên cơ sở kết quả giám sát, Uỷ ban kiểm toán thực hiện tổng hợp, báo cáo và kiến nghị Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi trách nhiệm, góp phần bảo đảm hoạt động của Công ty được kiểm soát phù hợp với định hướng quản trị và mục tiêu hoạt động trong năm 2026.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Giao dịch với các bên có liên quan

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH FPT IS	Người có liên quan của người nội bộ Đỗ Sơn Giang.	0104128565 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp ngày 13/8/2009	Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội.	Năm 2025	03-2025/NQ/HĐQT/FPTS	Thiết bị tin học, dịch vụ bảo hành, dịch vụ tin học, trả trước dịch vụ cho nhà cung cấp. Giá trị giao dịch: 4.173.998.000 đồng.
2	Công ty TNHH Dịch vụ tài chính SBI	Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	CC8959 do VSDC cấp ngày 29/6/2021	Izumi Garden Tower 20F, 1-6-1 Roppongi, Minato Ward, Tokyo, Japan.	Năm 2025	03-2025/NQ/HĐQT/FPTS	Phí lưu ký, phí chuyển tiền. Giá trị giao dịch: 50.759.614 đồng.
3	Công ty Cổ phần FPT	Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	0101248141 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp ngày 13/5/2002	Số 10 Phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội.	Năm 2025	03-2025/NQ/HĐQT/FPTS	Dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp cổng Quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EzIR, Dịch vụ trả hộ cổ tức, Dịch vụ quản lý cổ đông chưa tái lưu ký. Giá trị giao dịch: 90.897.102 đồng.
4	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	Người có liên quan của người nội bộ Nguyễn Thị Hạnh.	0600333307 do Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp ngày 03/6/2004	Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.	23/7/2025 - 31/12/2025	03-2025/NQ/HĐQT/FPTS	1. Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Giá trị giao dịch: 770.000.000 đồng. 2. Nhận cổ tức bằng tiền mặt. Giá trị giao dịch: 48.000.000.000 đồng.

Thù lao của Hội đồng quản trị

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2025
1	Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị	96.000.000	120.000.000

Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Hội đồng quản trị không nhận thù lao.

Lương của Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2025
1	Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc	886.380.000	791.340.000
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	680.580.000	396.940.000
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	649.080.000	572.040.000
4	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	-	169.150.000
	Tổng cộng		**2.216.040.000**	**1.929.470.000**

Mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (đồng)
1	Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc	161.100	1.611.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	529.600	5.296.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	534.900	5.349.000.000
4	Bà Trịnh Thanh Hằng	Người được ủy quyền Công bố thông tin	209.800	2.098.000.000
	Tổng cộng		**1.435.400**	**14.354.000.000**

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2025, Công ty thực hiện quản trị công ty theo các quy định áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, cùng với Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Hệ thống quản trị được tổ chức và vận hành nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế giám sát theo quy định.

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Thư ký Công ty và các bộ phận liên quan được cập nhật thường xuyên các quy định pháp lý và yêu cầu quản trị có liên quan. Trong năm, Công ty cử đại diện tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo về quản trị công ty, quản trị rủi ro và tuân thủ pháp luật nhằm cập nhật các quy định mới và các thông lệ quản trị được áp dụng phổ biến trên thị trường.

Hệ thống quản trị của Công ty được thiết kế và vận hành nhằm nâng cao hiệu lực quản trị, hỗ trợ quản trị rủi ro và tăng cường kiểm soát nội bộ trong toàn bộ hoạt động. Trên cơ sở đó, các quyết định quản lý được xem xét trong mối tương quan với lợi ích của các bên liên quan và các tác động dài hạn, qua đó tạo nền tảng cho việc triển khai các định hướng phát triển bền vững và duy trì giá trị dài hạn của Công ty.





QUẢN TRỊ RỦI RO

Nguyên tắc quản trị rủi ro

Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được thiết kế và vận hành theo mô hình quản trị từ trên xuống, bảo đảm sự liên kết giữa định hướng chiến lược, mức độ chấp nhận rủi ro và cơ chế giám sát, thực thi trong toàn bộ tổ chức, cụ thể như sau:

- Hoạt động quản trị rủi ro được triển khai phù hợp với mục tiêu và định hướng chiến lược của Công ty, đồng thời được xem xét như một cấu phần không tách rời trong quá trình đánh giá và ban hành các quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh và quản lý, điều hành.
- Việc nhận diện, đánh giá và theo dõi rủi ro được thực hiện trên cơ sở các nguồn thông tin có độ tin cậy, bảo đảm cả về mặt số lượng và chất lượng, bao gồm dữ liệu nội bộ, kinh nghiệm vận hành, thông tin phản hồi, cũng như các yếu tố quan sát và dự báo có liên quan.
- Hệ thống quản trị rủi ro được tổ chức trong khuôn khổ cơ cấu quản lý, điều hành của Công ty, với sự tham gia của các bộ phận và nhân sự liên quan, được thiết kế phù hợp với quy mô, phạm vi và mức độ phức tạp của hoạt động.
- Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được duy trì, rà soát và điều chỉnh thường xuyên nhằm bảo đảm tính phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty và các thay đổi của môi trường kinh doanh.

Hệ thống quản trị rủi ro góp phần bảo đảm kỷ luật quản trị và hiệu quả giám sát, hỗ trợ Công ty chủ động kiểm soát rủi ro, thích ứng với các biến động trong hoạt động kinh doanh và duy trì định hướng phát triển ổn định trong dài hạn.



QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam chịu tác động từ các yếu tố kinh tế – tài chính trong nước và quốc tế, bao gồm điều hành chính sách tiền tệ, xu hướng lãi suất, biến động tỷ giá, dòng vốn đầu tư xuyên biên giới và các thay đổi trong chính sách thuế, thương mại của các nền kinh tế lớn. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến thanh khoản, mặt bằng giá chứng khoán và hành vi giao dịch, từ đó làm gia tăng mức độ bất định của môi trường đầu tư và phát sinh rủi ro thị trường đối với hoạt động của các Công ty chứng khoán.

Rủi ro thị trường có thể tác động đến hoạt động của FPTS thông qua sự biến động về quy mô giao dịch, giá trị danh mục tài sản tài chính và khả năng triển khai các hoạt động kinh doanh cốt lõi. Trong các giai đoạn điều kiện thị trường kém thuận lợi, rủi ro định giá danh mục đầu tư, dư nợ cho vay ký quỹ và hiệu quả hoạt động tự doanh có thể chịu ảnh hưởng, qua đó tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty theo từng thời kỳ.

Trong năm 2025, FPTS duy trì công tác quản trị rủi ro thị trường trên cơ sở theo dõi và đánh giá thường xuyên các diễn biến kinh tế – tài chính trong nước và quốc tế. Trên cơ sở các đánh giá này, Công ty thực hiện điều chỉnh phù hợp đối với hoạt động đầu tư, cơ cấu danh mục tự doanh và chính sách cho vay ký quỹ; đồng thời duy trì cơ chế phối hợp và báo cáo giữa các bộ phận liên quan nhằm bảo đảm khả năng phản ứng kịp thời trước các thay đổi của môi trường đầu tư.







RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty không duy trì được khả năng đáp ứng đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ thanh toán, bao gồm nghĩa vụ tài chính đến hạn, nhu cầu giải ngân cho hoạt động cho vay ký quỹ và các yêu cầu thanh toán phát sinh từ hoạt động giao dịch của nhà đầu tư.

Trong năm 2025, thị trường có những giai đoạn nhu cầu sử dụng đòn bẩy gia tăng, dư nợ cho vay ký quỹ của FPTS có thời điểm tiệm cận các ngưỡng an toàn đã được thiết lập. Trong điều kiện này, rủi ro thanh khoản không chỉ được xem xét dưới góc độ cân đối dòng tiền, mà còn bao gồm nguy cơ hạn chế khả năng đáp ứng đầy đủ nhu cầu giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư khi dư địa giải ngân bị thu hẹp.

Trước các yếu tố nêu trên, FPTS duy trì công tác quản lý thanh khoản trên cơ sở theo dõi thường xuyên trạng thái dòng tiền và dư nợ cho vay ký quỹ, bảo đảm tuân thủ các hạn mức quản trị nội bộ và định hướng thận trọng trong sử dụng nguồn vốn. Việc điều tiết nguồn vốn được thực hiện nhằm cân bằng giữa yêu cầu an toàn tài chính và nhu cầu vận hành, qua đó bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán và duy trì hoạt động giao dịch ổn định trong năm 2025.

RỦI RO PHÁP LÝ

FPTS hoạt động trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Những thay đổi trong quy định pháp lý có thể tác động đến hoạt động quản lý và kinh doanh của Công ty, từ đó phát sinh các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ.

Để hạn chế rủi ro pháp lý, FPTS duy trì việc theo dõi, cập nhật kịp thời các quy định mới của Nhà nước đối với thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan, đồng thời rà soát, điều chỉnh các quy định nội bộ cho phù hợp.

Công ty đặc biệt chú trọng việc xây dựng, ban hành và vận hành các quy trình nghiệp vụ theo chuẩn ISO cho từng phòng ban, bảo đảm các hoạt động được thực hiện thống nhất, rõ ràng và có kiểm soát. Các quy trình này được phổ biến đến toàn bộ cán bộ nhân viên liên quan và được áp dụng xuyên suốt trong quá trình làm việc, qua đó giúp giảm thiểu sai sót, nâng cao mức độ tuân thủ và hạn chế các rủi ro pháp lý phát sinh trong hoạt động của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh toán phát sinh khi khách hàng hoặc đối tác không thực hiện đầy đủ hoặc đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán, hoặc không chuyển giao tài sản theo các cam kết đã xác lập, qua đó có thể ảnh hưởng đến an toàn vận hành và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Để hạn chế các tác động bất lợi từ rủi ro thanh toán, FPTS triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý và kiểm soát trong toàn bộ quá trình cung ứng dịch vụ, tập trung vào các nội dung trọng yếu sau:

- **Quản lý hạn mức và thẩm quyền phê duyệt:** FPTS thực hiện phân cấp rõ ràng thẩm quyền đề xuất và phê duyệt hạn mức hỗ trợ vốn đối với từng khách hàng, trên cơ sở đánh giá và cập nhật thường xuyên năng lực tài chính, tài sản bảo đảm và lịch sử giao dịch của khách hàng, nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình cung ứng vốn.
- **Quy định chặt chẽ về xử lý tài sản bảo đảm:** Các hợp đồng giao dịch ký quỹ được xây dựng với các điều khoản rõ ràng về nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm và cơ chế bán xử lý. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm giảm xuống dưới ngưỡng quy định hoặc đến thời điểm đáo hạn, Công ty thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy trình đã ban hành nhằm bảo đảm thu hồi đầy đủ các khoản vốn, lãi và chi phí liên quan.
- **Ứng dụng công nghệ trong kiểm soát rủi ro:** FPTS sử dụng phần mềm EzMargin để theo dõi trạng thái các khoản vay ký quỹ, thực hiện cảnh báo sớm và hỗ trợ xử lý tự động theo các ngưỡng đã thiết lập. Hệ thống này cho phép Công ty chủ động kiểm soát rủi ro thanh toán và triển khai các biện pháp xử lý kịp thời khi thị trường biến động.

Qua đó, quản trị rủi ro thanh toán được triển khai nhất quán trong khuôn khổ quản trị chung, bảo đảm an toàn vận hành, kỷ luật thực thi và năng lực kiểm soát rủi ro trong các điều kiện thị trường khác nhau.

RỦI RO NHÂN LỰC

Yếu tố con người giữ vai trò trung tâm trong hệ thống quản trị và định hướng phát triển bền vững của Công ty, đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán – nơi yêu cầu cao về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Chất lượng và sự ổn định của đội ngũ nhân sự có tác động trực tiếp đến hiệu quả vận hành và khả năng kiểm soát rủi ro.

FPTS xác định nguồn nhân lực chất lượng cao là lợi thế cạnh tranh cốt lõi, đồng thời nhận diện rõ rủi ro chảy máu chất xám trong bối cảnh thị trường biến động và cạnh tranh nhân sự ngày càng gia tăng. Trên cơ sở đó, Công ty triển khai các biện pháp quản trị nhân sự theo hướng dài hạn, tập trung vào chất lượng hơn số lượng, nhằm duy trì tính ổn định và tính kế thừa của đội ngũ.

Các hoạt động đào tạo và phát triển được tổ chức theo hướng có hệ thống, bảo đảm tính kế thừa và nâng cao năng lực đội ngũ, qua đó góp phần hạn chế rủi ro biến động nhân sự và duy trì tính ổn định trong quản trị, điều hành. Hiện nay, FPTS duy trì đội ngũ hơn 400 cán bộ và chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, trong đó nhiều nhân sự chủ chốt gắn bó lâu dài với Công ty.

Với FPTS, yếu tố con người không chỉ được xem là nguồn lực vận hành, mà là nền tảng cốt lõi bảo đảm tính bền vững và chất lượng quản trị của Công ty trong mọi giai đoạn phát triển.

Phần 05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

01. Tác động lên môi trường

02. Trách nhiệm đối với môi trường

03. Tuân thủ luật bảo vệ môi trường

04. Môi trường làm việc

05. Cam kết về tính bền vững trong sản phẩm

06. Giá trị cho cộng đồng

07. Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư – cổ đông

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Căn cứ đặc thù hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính – chứng khoán, các tác động lên môi trường của Công ty chủ yếu phát sinh từ hoạt động văn phòng, vận hành hệ thống và định hướng phát triển sản phẩm. Các tác động này được nhận diện và quản lý theo cách tiếp cận thận trọng, phù hợp với quy mô hoạt động, điều kiện vận hành và định hướng phát triển bền vững trong dài hạn.

1

Định hướng phát triển sản phẩm và dịch vụ.

Theo hướng hỗ trợ các hoạt động tài chính có trách nhiệm, góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn bền vững.

2

Khuyến khích thực hành tiết kiệm và sáng kiến cải tiến.

Tạo điều kiện để các đề xuất phù hợp được xem xét và triển khai trong phạm vi quản trị chung.

3

Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và vật tư.

Ưu tiên lựa chọn trang thiết bị, máy móc và đồ dùng văn phòng có mức tiêu hao phù hợp, an toàn cho người sử dụng và thân thiện hơn với môi trường.

4

Quản lý tác động môi trường trong hoạt động vận hành.

Thông qua việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực như điện, nước, nhiên liệu; kiểm soát phát sinh khí thải và chất thải trong phạm vi hoạt động văn phòng.

5

Duy trì môi trường làm việc bền vững.

Gắn với cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao nhận thức về tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường trong nội bộ Công ty.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Trong khuôn khổ hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ tài chính – chứng khoán, FPTS không phát sinh các tác động môi trường trực tiếp ở quy mô lớn. Dù vậy, Công ty xác định việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên chung của xã hội, đặc biệt là điện và nước trong vận hành hằng ngày, là một nội dung trách nhiệm cần được quan tâm và quản lý nhất quán.

FPTS thực hiện quản lý và sử dụng điện, nước theo nguyên tắc tiết kiệm, phù hợp với điều kiện vận hành thực tế của hệ thống văn phòng và hạ tầng công nghệ. Trọng tâm của cách tiếp cận này không chỉ nằm ở các biện pháp kỹ thuật, mà còn ở việc hình thành ý thức và kỷ luật sử dụng năng lượng trong đội ngũ cán bộ, nhân viên, gắn với văn hóa làm việc hướng tới môi trường xanh, sạch và bền vững.

Các chương trình tiết kiệm điện, nước được triển khai trên phạm vi toàn Công ty và truyền thông thường xuyên đến từng cán bộ, nhân viên thông qua các thực hành hằng ngày như tắt thiết bị khi không sử dụng, sử dụng điều hòa hợp lý và hạn chế thất thoát năng lượng trong vận hành văn phòng.
Hệ thống cấp nước tại các trụ sở làm việc được trang bị các thiết bị tiết kiệm nhằm kiểm soát mức tiêu thụ và nâng cao hiệu quả sử dụng.
Từ năm 2019, các biện pháp tiết kiệm điện, nước được duy trì liên tục, đồng thời hoạt động truyền thông nội bộ được tăng cường nhằm hình thành thói quen sử dụng năng lượng có trách nhiệm.

Song song với đó, Công ty từng bước áp dụng các giải pháp kỹ thuật phù hợp để cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng trong cơ sở vật chất, bao gồm việc dán phim chống nhiệt tại mặt kính tòa nhà từ năm 2022.
Trách nhiệm đối với môi trường vì vậy được FPTS thực hiện một cách nhất quán trong vận hành thường nhật, góp phần sử dụng hiệu quả nguồn lực, củng cố kỷ luật nội bộ và hỗ trợ định hướng phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.

TUÂN THỦ LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

> **Trong năm 2025, Công ty không ghi nhận trường hợp bị xử phạt do vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Theo đó, không phát sinh nghĩa vụ nộp phạt liên quan đến việc không tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường trong kỳ báo cáo.**

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Với quan điểm con người là nền tảng của quản trị hiệu quả và sự phát triển lâu dài, Ban lãnh đạo FPTS luôn chú trọng xây dựng và duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp, chuẩn mực và ổn định. Trong bối cảnh công nghệ và tự động hóa ngày càng phát triển, môi trường làm việc được định hướng gắn với yêu cầu quản trị, kỷ luật vận hành và định hướng phát triển của Công ty trong từng giai đoạn, đồng thời tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát huy năng lực chuyên môn, tư duy độc lập và khả năng thích ứng – những yếu tố ngày càng có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả tổ chức.

FPTS tổ chức môi trường làm việc trên cơ sở minh bạch, tôn trọng chuẩn mực nghề nghiệp và đề cao trách nhiệm cá nhân, phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ tài chính – chứng khoán. Công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân sự được triển khai có hệ thống, gắn với yêu cầu từng vị trí và định hướng dài hạn, qua đó hình thành đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ và bảo đảm tính kế thừa trong hoạt động.

Song hành với việc nâng cao năng lực chuyên môn, Ban lãnh đạo Công ty xác định việc quan tâm đến đời sống tinh thần và sự cân bằng trong môi trường làm việc là một phần của định hướng quản trị con người trong dài hạn. Các hoạt động gắn kết nội bộ và hoạt động ngoài chuyên môn được tổ chức phù hợp với điều kiện vận hành, nhằm xây dựng môi trường làm việc tích cực, củng cố sự đồng hành và hỗ trợ lẫn nhau, qua đó tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát triển hài hòa, bền vững và gắn bó lâu dài với Công ty.

Thông qua việc duy trì môi trường làm việc ổn định, kỷ luật và chú trọng phát triển con người một cách toàn diện trong bối cảnh chuyển đổi công nghệ, FPTS từng bước củng cố nền tảng nhân sự và văn hóa nội bộ, qua đó nâng cao chất lượng quản trị và bảo đảm sự phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.





CAM KẾT VỀ TÍNH BỀN VỮNG TRONG SẢN PHẨM

BỀN VỮNG

FPTS xác định giá trị cốt lõi của sản phẩm và dịch vụ tài chính không chỉ nằm ở hiệu quả kinh doanh trong ngắn hạn, mà ở khả năng bảo đảm lợi ích chính đáng và lâu dài của khách hàng. Trên cơ sở đó, Công ty định hướng phát triển sản phẩm gắn chặt với yêu cầu quản trị rủi ro và bảo toàn vốn, coi đây là nền tảng cho sự an toàn và bền vững trong hoạt động kinh doanh.

TUÂN THỦ

Các sản phẩm và dịch vụ của FPTS được xây dựng và triển khai trên nền tảng tuân thủ pháp luật, minh bạch thông tin và kiểm soát rủi ro chặt chẽ. Trong quá trình cung cấp, Công ty chú trọng đánh giá đầy đủ đặc tính sản phẩm, mức độ rủi ro và mức độ phù hợp với từng nhóm khách hàng, qua đó hỗ trợ khách hàng đưa ra quyết định đầu tư thận trọng, phù hợp với mục tiêu tài chính và khả năng chịu đựng rủi ro.

AN TOÀN

FPTS ưu tiên sự an toàn và ổn định của dòng vốn cho khách hàng cũng như cho chính Công ty trong suốt vòng đời sản phẩm. Các sản phẩm được quản lý xuyên suốt từ khâu thiết kế, triển khai đến giám sát và rà soát định kỳ, gắn với hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ chế quản trị rủi ro nhằm hạn chế rủi ro phát sinh, bảo đảm kỷ luật vận hành và tính liên tục của hoạt động.

KỶ LUẬT

Thông qua định hướng phát triển sản phẩm gắn với quản trị rủi ro và kỷ luật thực thi, FPTS không chỉ tạo dựng giá trị bền vững cho khách hàng, mà còn củng cố nền tảng an toàn tài chính, nâng cao chất lượng quản trị và đóng góp vào sự ổn định và phát triển lành mạnh của thị trường vốn trong dài hạn.

GIÁ TRỊ CHO CỘNG ĐỒNG

Trách nhiệm đối với cộng đồng và đóng góp xã hội

Trong năm 2025, FPTS triển khai các hoạt động gắn kết cộng đồng gắn với lĩnh vực hoạt động cốt lõi, tập trung vào giáo dục tài chính và phát triển nguồn nhân lực trẻ. Công ty tài trợ và đồng hành cùng các chương trình, cuộc thi học thuật dành cho sinh viên ngành tài chính, tạo điều kiện để người học tiếp cận kiến thức thực tiễn, nâng cao năng lực chuyên môn và hình thành tư duy nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán.

Nổi bật trong số đó là chương trình "EzInvest – Đầu tư tài chính cùng FPTS", cuộc thi trải nghiệm kiến thức nền tảng về lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đầu tư tài chính, do Bộ môn Kinh doanh Chứng khoán, Khoa Tài chính – Học viện Ngân hàng phối hợp cùng FPTS triển khai. Chương trình hướng tới việc nâng cao hiểu biết và năng lực tiếp cận thị trường cho nhà đầu tư, với trọng tâm là sinh viên các trường đại học tại Việt Nam, qua đó góp phần hình thành tư duy đầu tư có trách nhiệm, phù hợp với đặc thù và mức độ rủi ro của thị trường tài chính – chứng khoán.

Bên cạnh đó, FPTS tổ chức các workshop chuyên đề kết hợp tham quan thực tế tại Công ty, đồng thời duy trì phối hợp với các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành kinh tế – tài chính trong việc triển khai các hoạt động học thuật và trải nghiệm nghề nghiệp. Các chương trình này góp phần tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp và nhà trường, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho ngành và lan tỏa giá trị tri thức, trách nhiệm xã hội trong cộng đồng.

Đóng góp kinh tế và phát triển địa phương

Trong năm 2025, FPTS thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách đạt hơn 415 tỷ đồng, tăng 27,14% so với năm 2024, phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh và trách nhiệm tài chính của Công ty.

FPTS duy trì hoạt động tại các trung tâm kinh tế lớn gồm Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh với hệ thống trụ sở, chi nhánh và phòng giao dịch. Tổng số cán bộ nhân viên đạt 415 người, tạo việc làm ổn định và đóng góp vào phát triển kinh tế địa phương, đồng thời duy trì quan hệ hợp tác với các đối tác và nhà cung cấp trên địa bàn hoạt động.



Đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán

Trong năm 2025, FPTS tiếp tục mở rộng cơ sở nhà đầu tư thông qua việc mở mới 15.584 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 3.669 tài khoản chứng khoán phái sinh. Công ty cung cấp hệ sinh thái dịch vụ chứng khoán cá nhân như EzTrade, EzMargin, đáp ứng nhu cầu từ giao dịch đến cho vay ký quỹ của nhà đầu tư cá nhân, đồng thời triển khai các nguyên tắc quản trị rủi ro, kiểm soát đòn bẩy và tuân thủ quy định nhằm bảo vệ quyền lợi và an toàn tài chính của khách hàng. Song song với hoạt động kinh doanh, FPTS đẩy mạnh các chương trình hội thảo, livestream và hoạt động chia sẻ kiến thức đầu tư, tập trung vào việc nâng cao hiểu biết tài chính, nhận diện rủi ro và xây dựng tư duy đầu tư thận trọng. Các hoạt động này góp phần hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định trên cơ sở thông tin đầy đủ, hạn chế rủi ro phát sinh và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bên cạnh đó, FPTS đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp, bao gồm các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các giải pháp quản trị, công bố thông tin và quan hệ nhà đầu tư. Nổi bật là EzGSM – giải pháp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và EzIR – nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn hóa hoạt động công bố thông tin, quản lý nội dung IR và tăng cường kết nối với nhà đầu tư, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và mức độ minh bạch trên thị trường trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thông qua hoạt động phân tích và công bố thông tin, FPTS duy trì đội ngũ phân tích chuyên sâu, am hiểu nhiều ngành nghề và kinh tế vĩ mô, cung cấp các báo cáo phân tích có chất lượng, được thị trường đánh giá cao. Cùng với các hoạt động chia sẻ kiến thức cho cộng đồng đầu tư, FPTS góp phần nâng cao tính minh bạch, hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định trên cơ sở thông tin đầy đủ và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ – CỔ ĐÔNG

- **Trong năm 2025, FPTS triển khai hoạt động quan hệ nhà đầu tư và cổ đông theo định hướng minh bạch, tuân thủ và phù hợp với các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật, bảo đảm cổ đông và nhà đầu tư được tiếp cận thông tin kịp thời, chính xác và nhất quán.**
- **Hoạt động công bố thông tin được thực hiện thông qua các kênh chính thức, bao gồm báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị công ty và các thông tin bất thường theo quy định. Nội dung công bố phản ánh trung thực tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.**
- **FPTS tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định, bảo đảm quyền tham gia, quyền biểu quyết và quyền tiếp cận thông tin của cổ đông. Thông qua các hoạt động này, Công ty góp phần củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, đồng thời thúc đẩy môi trường quản trị doanh nghiệp minh bạch, công bằng và bền vững trên thị trường chứng khoán Việt Nam.**

Phần 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Báo cáo tài chính
Năm 2025

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028). 38 205.944 – 38 205.947;
Fax: (028).38 205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	**03 – 04**
Báo cáo kiểm toán độc lập	**05 – 06**
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2025	11 – 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2025	14 – 16
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2025	17 – 18
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2025	19 – 46

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc **Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT** (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 07 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng Khoán.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký và quản lý cổ đông.

Trụ sở chính tại Hà Nội: Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Công ty có 02 chi nhánh:

- **Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh:** Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, TP.Hồ Chí Minh.
- **Chi nhánh Đà Nẵng**: Số 100 Quang Trung, Phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban kiểm toán

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Kenji Nakanishi	Thành viên
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/07/2025)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/07/2025)

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Trần Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình thu nhập toàn diện riêng, tình hình tài chính riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2025, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Nguyễn Điệp Tùng

AASCS

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 65 /BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(Về Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT)

Kính gửi:
- Các cổ đông
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 kèm theo của ***Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT*** được lập ngày 25 tháng 02 năm 2026 từ trang 07 đến trang 46, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025; Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2025; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2025; Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2025.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của ***Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT*** cho năm 2025 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc

Đinh Thế Đường
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2023-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2023-142-1

A Member of msi Global Alliance Independent Legal & Accounting Firms
29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	**100**		**13.750.838.979.456**	**9.580.161.791.615**
I. Tài sản tài chính	**110**		**13.746.420.453.894**	**9.574.610.342.486**
1.Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A.7.1	2.913.630.824.055	565.564.523.996
1.1. Tiền	111.1		1.563.630.824.055	155.685.498.972
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		1.350.000.000.000	409.879.025.024
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	A.7.3.1	2.508.787.157.290	1.914.035.124.647
4. Các khoản cho vay	114	A.7.3.2	8.248.145.852.555	7.068.146.259.945
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	A.7.4	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
7. Các khoản phải thu	117		82.694.785.252	32.363.945.074
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	A.7.5.1	82.694.785.252	32.363.945.074
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		305.030.975	72.835.969
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		82.389.754.277	32.291.109.105
8. Trả trước cho người bán	118		679.500.760	2.241.349.233
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	A.7.5.2	2.015.523.494	2.257.938.624
12. Các khoản phải thu khác	122	A.7.5.4	1.551.836.664	1.060.292.143
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	A.7.6	(199.410.000)	(173.475.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác	**130**		**4.418.525.562**	**5.551.449.129**
1. Tạm ứng	131			
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132	A.7.7	1.032.362.460	1.334.990.049
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	A.7.8a	2.396.437.017	3.143.226.089
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		8.800.000	80.800.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135			519.111
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		980.926.085	991.913.880
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	**200**		**168.842.075.462**	**179.399.308.818**
II. Tài sản cố định	**220**		**132.796.703.401**	**142.596.719.735**
1. Tài sản cố định hữu hình	**221**	A.7.10	**113.103.635.393**	**122.365.384.893**
- Nguyên giá	222		263.837.973.219	262.174.298.013
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223a		(150.734.337.826)	(139.808.913.120)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	**224**			
3. Tài sản cố định vô hình	**227**	A.7.11	**19.693.068.008**	**20.231.334.842**
- Nguyên giá	228		44.912.945.438	44.912.945.438
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229a		(25.219.877.430)	(24.681.610.596)
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**240**			
V. Tài sản dài hạn khác	**250**		**36.045.372.061**	**36.802.589.083**
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		923.099.800	1.221.270.570
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	A.7.8b	5.046.824.671	5.525.991.266
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	A.7.9	30.075.447.590	30.055.327.247
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	**260**			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**13.919.681.054.918**	**9.759.561.100.433**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	**300**		**9.499.714.583.644**	**5.641.592.000.542**
I. Nợ phải trả ngắn hạn	**310**		**9.499.714.583.644**	**5.641.592.000.542**
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	A.7.26	8.758.100.000.000	5.475.933.586.028
1.1.Vay ngắn hạn	312		8.758.100.000.000	5.475.933.586.028
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		9.814.216.160	7.371.171.602
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	A.7.24	1.223.739.036	971.133.640
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		4.718.575.000	4.079.400.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	A.7.22	73.436.461.163	30.681.520.777
11. Phải trả người lao động	323		21.342.325.618	21.214.075.313
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		2.134.524.652	2.031.858.427
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A.7.23	21.499.330.495	9.246.767.305
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	A.7.25	506.593.705.503	6.242.575.206
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330			
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		100.851.706.017	83.819.912.244
II. Nợ phải trả dài hạn	**340**			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	**400**		**4.419.966.471.274**	**4.117.969.099.891**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**4.419.966.471.274**	**4.117.969.099.891**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.465.062.838.150	3.059.276.408.150
1.1.Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		3.464.980.090.000	3.059.193.660.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		3.464.980.090.000	3.059.193.660.000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b			
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		82.748.150	82.748.150
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu-Cấu phần vốn	411.3			
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4			
1.5. Cổ phiếu quỹ	411.5			
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412			
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413			
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414			
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415			
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	A.7.30	954.903.633.124	1.058.692.691.741
7.1.Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		576.015.898.965	573.193.957.927
7.2.Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		378.887.734.159	485.498.733.814
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**420**			
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	**440**		**13.919.681.054.918**	**9.759.561.100.433**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận thế chấp	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	A.7.12	172.000.000	172.000.000
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		346.498.009	305.919.366
7. Cổ phiếu quỹ (số lượng)	007			
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	A.7.13	401.061.950.000	463.004.470.000
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009			
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010			
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	A.7.14	1.722.676.440.000	206.674.730.000
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013			
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	A.7.15	35.747.373.012.145	32.467.423.084.975
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	*021.1*		33.791.343.565.245	30.915.187.615.975
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	*021.2*		426.953.920.000	111.405.300.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	*021.3*		1.122.311.090.000	1.133.522.100.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	*021.4*		10.482.190.000	10.715.400.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	*021.5*		396.282.246.900	296.592.669.000
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	*021.6*			
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	A.7.16	29.941.320.000	348.008.990.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	*022.1*		2.661.400.000	2.662.400.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	*022.2*		27.279.920.000	345.346.590.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	*022.3*			
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	*022.4*			
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	A.7.17	440.811.306.525	332.380.238.600
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a			
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b			
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	A.7.18	60.760.470.000	56.090.720.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
7. Tiền gửi của khách hàng	026		3.385.534.016.503	2.775.500.118.801
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	A.7.19	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028			
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029			
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1			
b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2			
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	A.7.20	2.160.111.300	1.896.647.800
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	A.7.28	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		3.354.560.978.096	2.727.014.848.853
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		28.812.927.107	46.588.622.148
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032			
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033			
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034			
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		2.160.111.300	1.896.647.800

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thu Chung	Nguyễn Thị Sơn	Nguyễn Diệp Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	**01**		157.758.123.718	245.487.971.843
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	B7.32.1	93.246.869.919	2.517.884.655
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	B7.32.2	(106.611.366.554)	150.503.304.470
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	B7.32.3.1	171.122.620.353	92.466.782.718
d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	01.4			
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02			
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	B7.32.3.3	753.622.810.833	589.269.375.765
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04			
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05			
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06		215.508.563.439	250.438.462.655
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		558.836.092	
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		13.591.833.214	13.221.047.441
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		19.251.565.091	12.561.057.592
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		44.934.544.886	36.495.235.764
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	B7.32.4	581.823.729	275.380.000
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 1->11)	**20**		**1.205.808.101.002**	**1.147.748.531.060**
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		2.582.928.827	910.110.023
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	B7.32.1	2.583.295.726	912.095.500
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	B7.32.2	(366.899)	(1.985.477)
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	B7.34	368.502.691.100	178.997.567.556
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		838.542.324	416.058.645
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	B7.34	187.063.982.170	180.559.800.828
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	B7.34	497.064.438	
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	B7.34	17.663.893.732	12.090.861.932
2.10. Chí phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	B7.34	23.954.622.477	18.007.016.134
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	B7.34	18.999.875.238	14.583.323.095
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32			
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21->32)	**40**		**620.103.600.306**	**405.564.738.213**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41			
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	B7.33	9.261.788.347	8.827.691.678
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41->44)	**50**		**9.261.788.347**	**8.827.691.678**
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51			
4.2. Chi phí lãi vay	52			
4.4. Chi phí tài chính khác	55			
Cộng chi phí tài chính (60 = 51->55)	**60**			
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	**61**			
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	**62**	**B7.35**	**85.552.355.407**	**89.837.818.690**
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)	**70**		**509.413.933.636**	**661.173.665.835**
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	B7.36	69.911.509.456	58.101.747.592
8.2. Chi phí khác	72	B7.37	68.631.862.267	56.102.146.282
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	**80**		**1.279.647.189**	**1.999.601.310**
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	**90**		**510.693.580.825**	**663.173.267.145**
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		617.304.580.480	512.667.977.198
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(106.610.999.655)	150.505.289.947
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	**100**		**113.939.306.003**	**95.855.772.808**
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	B7.38	113.939.306.003	95.855.772.808
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2			
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	**200**		**396.754.274.822**	**567.317.494.337**
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	**300**			
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301			
12.2. Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302			
12.3. Lãi (lỗ) đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý công ty	303			
12.4. Lãi/(Lỗ) toàn diện khác	304			
Tổng thu nhập toàn diện	**400**			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	**500**			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	B7.39	1.161	1.732
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		1.161	1.732

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thu Chung	Nguyễn Thị Sơn	Nguyễn Diệp Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	**01**		**510.693.580.825**	**663.173.267.145**
2. Điều chỉnh cho các khoản:	**02**		**(34.619.492.527)**	**34.859.019.826**
- Khấu hao TSCĐ	03		15.527.591.330	19.145.813.755
- Các khoản dự phòng	04		25.935.000	15.150.000
- Chi phí lãi vay	06			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(74.373.685)	(57.407.407)
- Dự thu tiền lãi	08		(50.098.645.172)	15.755.463.478
- Các khoản điều chỉnh khác	09			
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	**10**		**(366.899)**	**(1.985.477)**
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		(366.899)	(1.985.477)
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	**18**		**106.611.366.554**	**(150.503.304.470)**
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	19		106.611.366.554	(150.503.304.470)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**30**		**(1.458.719.993.555)**	**(3.505.326.135.568)**
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	31		(701.363.032.298)	(414.216.654.670)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(1.179.999.592.610)	(1.674.066.439.441)
- Tăng giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(232.195.006)	155.222.403
- Tăng giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		242.415.130	597.308.368
- Tăng giảm các khoản phải thu khác	39		1.081.810.858	1.188.339.443
- Tăng giảm các tài sản khác	40		302.627.589	40.225.599
- Tăng giảm chi phí phải trả (không bao gồm lãi vay)	41		14.695.607.748	4.982.930.767
- Tăng giảm chi phí trả trước	42		1.225.955.667	(4.438.232.424)
- Thuế TNDN đã nộp	43		(74.256.778.709)	(99.881.896.967)
- Lãi vay đã trả	44			
- Tăng giảm các khoản phải trả cho người bán	45		252.605.396	529.049.673
- Tăng giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		102.666.225	283.930.182
- Tăng giảm thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Không bao gồm Thuế TNDN đã nộp)	47		3.072.413.092	2.173.905.105
- Tăng giảm phải trả người lao động	48		128.250.305	527.056.741
- Tăng giảm phải trả phải nộp khác	50		500.326.629.297	(1.300.275.558.889)
- Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh	51		861.290.770	251.000.000
- Tiền chi từ các hoạt động kinh doanh	52		(25.160.667.009)	(23.176.321.458)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**60**		**(876.034.905.602)**	**(2.957.799.138.544)**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(5.745.103.400)	(6.250.516.484)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		91.902.089	57.407.407
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***70***		**(5.653.201.311)**	**(6.193.109.077)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		99.884.000.000	55.299.500.000
2.Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72			
3. Tiền vay gốc	73		20.739.389.769.359	14.160.228.112.821
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	*73.1*			
3.2. Tiền vay khác	*73.2*		*20.739.389.769.359*	*14.160.228.112.821*
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(17.457.223.355.387)	(11.832.396.362.486)
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	*74.1*			
4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	*74.2*			
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	*74.3*		*(17.457.223.355.387)*	*(11.832.396.362.486)*
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	75			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(152.296.007.000)	(106.931.808.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***80***		**3.229.754.406.972**	**2.276.199.441.835**
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	**90**		**2.348.066.300.059**	**(687.792.805.786)**
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**101**		**565.564.523.996**	**1.253.357.329.782**
- Tiền	101.1		155.685.498.972	415.357.329.782
- Các khoản tương đương tiền	101.2		409.879.025.024	838.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	**103**		**2.913.630.824.055**	**565.564.523.996**
- Tiền	103.1		1.563.630.824.055	155.685.498.972
- Các khoản tương đương tiền	103.2		1.350.000.000.000	409.879.025.024
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	1		191.373.651.523.476	146.823.476.127.761
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	2		(192.469.773.889.509)	(147.264.955.221.619)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	7		1.726.416.162.428	(218.022.068.369)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(20.523.362.193)	(14.783.796.220)
12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	12			
13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	13			
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		1.979.735.896.233	1.671.520.938.337
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(1.979.472.432.733)	(1.669.999.809.487)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	***20***		**610.033.897.702**	**(672.763.829.597)**
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	**30**		**2.775.500.118.801**	**3.448.263.948.398**
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		1.896.647.800	375.518.950
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	36			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37			
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	**40**		**3.385.534.016.503**	**2.775.500.118.801**
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	C7.40	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	C7.40	2.160.111.300	1.896.647.800
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	46			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47			

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thu Chung	Nguyễn Thị Sơn	Nguyễn Diệp Tùng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm trong năm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.145.732.618.150	3.059.276.408.150	913.543.790.000		405.786.430.000		3.059.276.408.150	3.465.062.838.150
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết (*)		2.145.649.870.000	3.059.193.660.000	913.543.790.000		405.786.430.000		3.059.193.660.000	3.464.980.090.000
1.2. Cổ phiếu ưu đãi									
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		82.748.150	82.748.150					82.748.150	82.748.150
1.4.Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - cấu phần vốn									
1.5.Vốn khác của chủ sở hữu									
1.6.Cổ phiếu quỹ									
2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ									
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ									
4.Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý									
5.Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
6.Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
7. Lợi nhuận chưa phân phối		1.498.203.140.705	1.058.692.691.741	576.884.281.028	1.016.394.729.992	576.199.578.519	679.988.637.136	1.058.692.691.741	954.903.63- 3.124
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.163.209.696.838	573.193.957.927	416.812.204.390	1.006.827.943.301	503.365.274.477	500.543.333.439	573.193.957.927	576.015.89◄ 8.965
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		334.993.443.867	485.498.733.814	160.072.076.638	9.566.786.691	72.834.304.042	179.445.303.697	485.498.733.814	378.887.73≥ 4.159
Cộng		**3.643.935.758.855**	**4.117.969.099.891**	**1.490.428.071.028**	**1.016.394.729.992**	**981.986.008.519**	**679.988.637.136**	**4.117.969.099.891**	**4.419.966.47↗1.274**
II. Thu nhập toàn diện khác									
Cộng									

Ghi chú:

(*) Khoản tăng của cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết bao gồm:

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	(Số lượng CP: 30.590.243)	305.902.430.000	đồng
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	(Số lượng CP: 9.988.400)	99.884.000.000	đồng
		405.786.430.000	

(**) Khoản giảm của lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối trong kỳ bao gồm:

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị Quyết và Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2025	41.681.220.439	đồng
- Cổ tức 2024 chia cho cổ đông bằng tiền mặt	152.959.683.000	đồng
- Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	305.902.430.000	đồng
	500.543.333.439	**đồng**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Tran Thi Thu Chung	Nguyen Thi Son	Nguyen Diep Tung

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

1.1. Giấy phép thành lập và hoạt động của CTCK:

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 07 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội cấp.

1.2. Địa chỉ liên hệ của CTCK:

Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội.

1.3. Điều lệ hoạt động CTCK: ban hành tháng 7/2007 và sửa đổi theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 29/03/2022 và Quyết định số 13-2025/QĐ/HĐQT/FPTS ngày 15/07/2025.

1.4. Những đặc điểm chính về hoạt động CTCK:

- Quy mô vốn CTCK:

Vốn góp của Công ty tại ngày lập báo cáo là 3.464.980.090.000 đồng (Ba nghìn bốn trăm sáu mươi bốn tỷ, chín trăm tám mươi triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).

- Hạn chế đầu tư: Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 30/12/2020 về hoạt động của công ty chứng khoán.

- Cấu trúc Công ty chứng khoán:

. Danh sách các công ty con: Không có

. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có

. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có

- Danh sách chi nhánh:

Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, TP.Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Đà Nẵng: Số 100 Quang Trung, Phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

1.5. Tổng số công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025: là 415 người.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

2.1. Kỳ kế toán:

Năm tài chính hàng năm của CTCK bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Thực hiện kế toán CTCK trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

3.3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

4.1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền hiện có của công ty (tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng), các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Thực hiện theo quy định hiện hành về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỉ giá trong việc quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

4.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính:

4.2.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc Danh mục đầu tư của CTCK (tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán):

4.2.1.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính: (FVTPL, HTM, Các khoản cho vay, AFS)

Việc phân loại Tài sản tài chính thực hiện theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

4.2.1.2 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính: (Nợ vay, nợ vay tài sản tài chính, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu phát hành, nợ thuê tài sản tài chính, phải trả người bán, các khoản nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán)

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

4.2.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường) (tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật chứng khoán) hoặc giá gốc:

Luật kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, theo đó đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

4.2.2.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua không bao gồm các chi phí phát sinh trực tiếp từ việc mua tài sản tài chính này). Các chi phí mua (phí môi giới, phí giao dịch…) được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động riêng ngay khi phát sinh.

Cuối kỳ kế toán, các tài sản tài chính FVTPL được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Số chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng ở khoản mục "Chênh lệch tăng do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ" và khoản mục "Chênh lệch giảm do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ".

4.2.2.2 Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM: được xác định giá trị ban đầu theo giá trị cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát sinh các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.2.2.3 Các khoản cho vay: được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng suy giảm các khoản cho vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.2.2.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS: được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua tài sản tài chính này. Cuối kỳ kế toán, tài sản tài chính AFS được xác định lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS theo giá thị trường hoặc giá hợp lý được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu (Kết quả hoạt động riêng khác) tại chỉ tiêu "Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán".

4.2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính.

4.2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

TSTC được dừng ghi nhận khi quyền nhận được luồng tiền từ TSTC hết hạn hoặc khi chuyển giao TSTC cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho đơn vị khác. Nợ tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi nghĩa vụ của đơn vị đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

4.2.5. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, đơn vị thực hiện đánh giá các dấu hiệu liên quan đến suy giảm giá trị một tài sản hoặc một nhóm các khoản đầu tư để thực hiện lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

Đối với các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho những khoản vay giao dịch ký quỹ có giá trị tài sản đảm bảo nhỏ hơn nợ gốc.

Dự phòng cụ thể được xác định = (Số dư các khoản cho vay – Giá trị tài sản đảm bảo) x 100%.

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định = Số lượng chứng khoán đảm bảo khoản vay x giá thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trong đó giá thị trường của chứng khoán được trình bày tại điểm 4.2.6.

4.2.6. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoản thời gian trên, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.
- Giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng (nếu có) được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT/BTC.

4.2.7. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp: Không phát sinh

4.2.8. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về tình hình Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản đầu tư của CTCK có phát sinh cổ tức, tiền lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Đơn vị thực hiện đánh giá khả năng bị tổn thất không thể thu hồi và mức độ rủi ro để lập dự phòng theo quy định. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ thực hiện theo hướng dẫn của nhóm phải thu trình bày tại điểm 4.10.3.

4.2.9. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư nhận thế chấp (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính): Không phát sinh.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: *Không phát sinh.*

4.4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình) được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

4.5. Khấu hao và hao mòn:

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 6-25 năm
- Máy móc thiết bị: 3 năm
- Phương tiện vận chuyển: 6 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 3-7 năm
- Phần mềm: 3-5 năm
- Quyền sử dụng đất:
  + Quyền sử dụng đất lâu dài: không có khấu hao
  + Quyền sử dụng đất thuê có thời hạn: khấu hao theo thời gian được phép sử dụng đất.
- Tài sản cố định vô hình: 2-3 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về sự suy giảm giá trị của tài sản phi tiền tệ: *Không phát sinh.*

4.7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: *Không phát sinh.*

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Công ty con, công ty liên doanh, liên kết): *Không phát sinh.*

4.9. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản nhận ký cược, ký quỹ phải trả có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là nợ ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn trên 12 tháng được trình bày là nợ dài hạn.

4.10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn:

4.10.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính:

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, ghi chép theo từng giao dịch và từng lần thanh toán.

4.10.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán.

4.10.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:
- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

-Xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi:

Tổn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đối tượng nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác).

Giá trị tổn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có) để bù đắp, phần chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.

4.11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK:

4.12.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là số vốn góp theo Điều lệ công ty mà các thành viên góp vốn, cổ đông của công ty đã thực góp theo tiến độ, kế hoạch góp vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và số vốn huy động của các lần tiếp theo phù hợp với Điều lệ của Công ty.

4.12.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận CTCK:

a. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện:

Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng của công ty lũy kế phát sinh trong kỳ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện:

Là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các TSTC FVTPL hoặc TSTC khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động riêng thuộc danh mục TSTC lũy kế phát sinh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

4.12.3. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái: Tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Tài chính về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỉ giá hối đoái.

a. Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện trong kỳ:

Là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ.

b. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ:

Là chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

4.12.4. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK: (cho cổ đông hoặc thành viên góp vốn, các quỹ của CTCK).

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

4.13. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập CTCK:

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền

Thực hiện ghi nhận doanh thu, thu nhập từ hoạt động tự doanh các TSTC, doanh thu cung cấp dịch vụ theo quy định của các Chuẩn mực doanh thu và Chuẩn mực các công cụ tài chính có liên quan và các hướng dẫn tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC.

- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL: được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính:

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Đối với cổ phiếu thưởng, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên cơ cở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

- Lãi từ các khoản cho vay: Là khoản lãi phải thu từ khách hàng sử dụng dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ, cho vay giao dịch ứng trước của công ty cung cấp trong kỳ.

- Doanh thu môi giới chứng khoán: Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho công ty khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Doanh thu hoạt động tư vấn: Bao gồm tư vấn đầu tư chứng khoán và doanh thu tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn tài chính và hoàn thiện doanh nghiệp (tư vấn niêm yết, phát hành, hoàn thiện doanh nghiệp ...) Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

- Doanh thu lưu ký: Là khoản phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán thu được của khách hàng khi công ty cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán như đăng ký, lưu ký, chuyển khoản, chuyển quyền sở hữu chứng khoán …đã hoàn thành.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty chứng khoán theo Thông Tư 210/2014TT-BTC, Thông tư 334/2016/TT-BTC và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý CTCK:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Chi phí thực tế đã phát sinh và các khoản dự chi (nếu có) có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý trong kỳ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

4.16. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác, chi phí khác:

a. Ghi nhận thu nhập khác:

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh, đầu tư của CTCK phát sinh trong kỳ.

b. Ghi nhận chi phí khác:

Các khoản chi phí khác ngoài các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đầu tư các TSTC.

4.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.18. Các nguyên tắc và chính sách kế toán khác:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.19. Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tài chính về tài sản và nợ phải trả khách hàng

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.20. Báo cáo bộ phận:

Công ty theo dõi doanh thu hoạt động kinh doanh theo từng hoạt động kinh doanh chứng khoán (Hoạt động môi giới chứng khoán; Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn; Hoạt động lưu ký chứng khoán; Hoạt động tư vấn;…), hoạt động tài chính.

Công ty quản lý chi phí theo từng hoạt động kinh doanh và khoản mục chi phí.

Đối với tài sản, Công ty không phân bổ theo từng lĩnh vực kinh doanh mà quản lý tập trung ở Trụ sở chính - Hà Nội. Đối với nợ phải trả, Công ty chịu trách nhiệm thanh toán và quản lý rủi ro chung.

5. Quản trị về rủi ro tài chính đối với CTCK

5.1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK:

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

5.2. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Việc cấp tín dụng, hỗ trợ vốn lớn cho một khách hàng có liên quan có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay hoặc khả năng thanh toán của FPTS khi khách hàng đó gặp vấn đề về khả năng thanh toán. Vì vậy FPTS đã ban hành quy định Hạn mức cung ứng, hỗ trợ vốn tối đa cho một khách hàng đảm bảo an toàn cho FPTS dựa trên cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.

Rủi ro Mã chứng khoán: Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay giảm giá quá nhanh, thậm chí mất hết giá trị hoặc không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy các mã chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định về giao dịch ký quỹ của các sở giao dịch chứng khoán.

5.3. Rủi ro thanh khoản:

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng về tiền nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

5.4. Rủi ro thị trường:

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi lãi suất của thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản cho vay giao dịch ký quĩ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong kỳ để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức, lãi suất cho vay giao dịch ký quĩ để có được mức lãi suất hợp lý và có thể cạnh tranh trên thị trường.

Quản lý rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường

Các chứng khoán Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, lựa chọn danh mục đầu tư, phân cấp thẩm quyền xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư,…Do giá trị chứng khoán Công ty nắm giữ không nhiều chủ yếu từ việc mua chứng khoán lô lẻ vì vậy Công ty đánh giá rủi ro về giá cũng như thanh khoản thị trường đối với chứng khoán tự doanh là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường đối với các khoản cho nhà đầu tư vay giao dịch ký quĩ. Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay liên tục giảm giá có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay của FPTS nếu chậm thu hồi vốn. Nếu thị trường không đủ thanh khoản hoặc mã chứng khoán đó không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy FPTS đã xây dựng quy định quản lý rủi ro riêng cho các giao dịch ký quỹ, xác định tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo một cách hợp lý. Ngoài ra FPTS đã xây dựng phần mềm quản lý, quy định mức cảnh báo, xử lý tự động trong các giao dịch Margin giúp FPTS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho FPTS.

6. Các chính sách định giá các tài sản tài chính thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

7. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính
A. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
- Tiền mặt tại quỹ	112.759.447	120.717.139
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1.563.518.064.608	155.564.781.833
- Các khoản tương đương tiền (*)	1.350.000.000.000	409.879.025.024
Cộng	**2.913.630.824.055**	**565.564.523.996**

Ghi chú (*): Toàn bộ khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày 31/12/2025 hiện đang dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện năm 2025	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2025
a) Của CTCK		
- Cổ phiếu	2.605.905	105.556.693.750
- Trái phiếu	171.080.000	19.174.700.260.000
- Chứng khoán ngân quỹ		
- Chứng khoán khác	2.000	24.370.000
Cộng	**173.687.905**	**19.280.281.323.750**
b) Của Nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	16.271.334.819	381.717.089.771.330
- Trái phiếu	175.417	20.628.125.695
- Chứng khoán khác	889.252.738	1.383.917.260.960
Cộng	**17.160.762.974**	**383.121.635.157.985**

A.7.3. Các loại tài sản tài chính
7.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản FVTPL	**Số cuối năm**		**Số đầu năm**	
	Giá gốc	**Giá trị hợp lý**	**Giá gốc**	**Giá trị hợp lý**
Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	12.039.250.985	390.926.985.144	14.571.814.929	500.070.548.743
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.025.968.404	2.025.968.404	2.024.075.904	2.024.075.904
Trái phiếu (*)	1.989.652.500.000	1.989.652.500.000	679.940.500.000	679.940.500.000
Tiền gửi có kỳ hạn cố định, chứng chỉ tiền gửi (**)	126.181.703.742	126.181.703.742	732.000.000.000	732.000.000.000
Cộng	**2.129.899.423.131**	**2.508.787.157.290**	**1.428.536.390.833**	**1.914.035.124.647**

Ghi chú:
(*): Trái phiếu có giá trị 1.100 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025 được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.
(**) Trong đó giá trị tiền gửi có kỳ hạn cố định tại ngày 31/12/2025 được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng là 76.181.703.742 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

7.3.2 Các khoản cho vay và phải thu

Khoản cho vay và phải thu	**Số cuối năm**		**Số đầu năm**	
	Giá gốc	**Giá trị hợp lý**	**Giá gốc**	**Giá trị hợp lý**
Cho vay giao dịch ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch ký quỹ	*8.248.145.852.555*	*8.237.260.236.379*	*7.068.146.259.945*	*7.057.260.643.769*
Trong đó: Cho vay giao dịch ký quỹ	*7.430.869.619.855*	*7.419.984.003.679*	*6.650.578.286.459*	*6.639.692.670.283*

Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A. 7.4. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính		
Dự phòng suy giảm - Cho vay hoạt động ký quỹ	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
Cộng	**(10.885.616.176)**	**(10.885.616.176)**

A. 7.5. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
A. 7.5.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		
- Phải thu tiền lãi - giao dịch ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	*305.030.975*	*72.835.969*
- Dự thu phí giao dịch ký quỹ, lãi trái phiếu và lãi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	*82.389.754.277*	*32.291.109.105*
Cộng	**82.694.785.252**	**32.363.945.074**
A. 7.5.2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	**2.015.523.494**	**2.257.938.624**
7.5.2.1 Phải thu phí môi giới chứng khoán qua các Sở GD	*668.927.397*	*424.805.721*
7.5.2.2 Phải thu phí môi giới chứng khoán không qua các Sở GD		
7.5.2.3 Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư CK		
7.5.2.4 Phải thu hoạt động tư vấn khác	*1.325.824.000*	*1.544.050.000*
7.5.2.5 Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	*18.596.414*	*10.185.672*
7.5.2.6 Phải thu dịch vụ khác	*2.175.683*	*278.897.231*
A. 7.5.3. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán		
A. 7.5.4. Phải thu khác	**1.551.836.664**	**1.060.292.143**

A. 7.6. Dự phòng phải thu khó đòi

CTCK phải thuyết minh chi tiết về loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng (chi tiết theo loại, nhóm, đối tượng phải thu khó đòi)

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Số cuối năm					Số đầu năm
			Tham chiếu	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm	
1	Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính							
2	Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	215.150.000		173.475.000	25.935.000		199.410.000	173.475.000
	Công ty CP Lisemco	*71.500.000*		*71.500.000*			*71.500.000*	*71.500.000*
	Công ty CP May Phú Thành	*13.200.000*		*13.200.000*			*13.200.000*	*13.200.000*
	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư EDX	*16.500.000*		*16.500.000*			*16.500.000*	*16.500.000*
	Công ty CP Thông Quảng Ninh	*7.700.000*		*7.700.000*			*7.700.000*	*7.700.000*
	Công ty CP Thương mại Hà Tây	*13.200.000*		*13.200.000*			*13.200.000*	*13.200.000*
	Công ty CP Anh ngữ APAX	*32.850.000*		*22.995.000*	*9.855.000*		*32.850.000*	*22.995.000*
	Công ty CP Tập đoàn Khách sạn Đông Á	*13.200.000*		*9.240.000*	*3.960.000*		*13.200.000*	*9.240.000*
	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công Nghiệp	*22.000.000*		*13.640.000*	*5.720.000*		*19.360.000*	*13.640.000*
	Công ty CP Cơ giới và xây lắp số 9	*14.000.000*			*4.200.000*		*4.200.000*	
	Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghiệp Bảo Thư	*11.000.000*		*5.500.000*	*2.200.000*		*7.700.000*	*5.500.000*
	Cộng	**215.150.000**		**173.475.000**	**25.935.000**		**199.410.000**	**173.475.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.3.3 Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối kỳ:

Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của CTCK

STT	Các loại tài sản tài chính	Giá mua	Số cuối năm				Số đầu năm			
			Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	CL đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ trước	CL đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	**FVTPL**										
1	***Cổ phiếu***	***14.065.219.389***	***392.952.953.548***	***378.891.655.515***	***3.921.356***	***392.952.953.548***	***16.595.890.833***	***502.094.624.647***	***485.503.022.069***	***4.288.255***	***502.094.624.647***
1.1	**Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD**	**12.039.250.985**	**390.926.985.144**	**378.891.655.515**	**3.921.356**	**390.926.985.144**	**14.571.814.929**	**500.070.548.743**	**485.503.022.069**	**4.288.255**	**500.070.548.743**
	MSH- Công ty cổ phần May Sông Hồng	10.946.813.906	389.400.000.000	378.453.186.094		389.400.000.000	13.454.983.050	498.787.640.000	485.332.656.950		498.787.640.000
	Cổ phiếu niêm yết khác	1.092.437.079	1.526.985.144	438.469.421	3.921.356	1.526.985.144	1.116.831.879	1.282.908.743	170.365.119	4.288.255	1.282.908.743
1.2	**Cổ phiếu chưa niêm yết**	**2.025.968.404**	**2.025.968.404**	**2.025.968.404**		**2.025.968.404**	**2.024.075.904**	**2.024.075.904**			**2.024.075.904**
	CTCK - CTCP đầu tư xây dựng số 8	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	25.968.404	25.968.404			25.968.404	24.075.904	24.075.904			24.075.904
2	***Trái phiếu***	***1.989.652.500.000***	***1.989.652.500.000***			***1.989.652.500.000***	***679.940.500.000***	***679.940.500.000***			***679.940.500.000***
3	***Tiền gửi có kỳ hạn có định, chứng chỉ tiền gửi***	***126.181.703.742***	***126.181.703.742***			***126.181.703.742***	***732.000.000.000***	***732.000.000.000***			***732.000.000.000***
II	AFS										
	Cộng	**2.129.899.423.131**	**2.508.787.157.290**	**378.891.655.515**	**3.921.356**	**2.508.787.157.290**	**1.428.536.390.833**	**1.914.035.124.647**	**485.503.022.069**	**4.288.255**	**1.914.035.124.647**

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 trên sàn giao dịch chứng khoán. Các tài sản tài chính chưa niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 vì không có đủ thông tin tin cậy về giá thị trường của các tài sản tài chính này, nên giá trị trường được xác định là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vật tư văn phòng	1.032.362.460	1.334.990.049
Cộng	**1.032.362.460**	**1.334.990.049**

A.7.8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	2.396.437.017	3.143.226.089
(bao gồm: CP đường truyền, quản lý thành viên và kết nối hai sở, bảo hành bảo trì phần mềm thiết bị...)		
b. Chi phí trả trước dài hạn	5.046.824.671	5.525.991.266
(bao gồm: CP đường truyền, phần mềm kí số, sửa chữa nhà cửa...)		
Cộng	**7.443.261.688**	**8.669.217.355**

A.7.9. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	10.120.000.000	10.120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	14.482.731.824	14.482.731.824
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ	5.472.715.766	5.452.595.423
Cộng	**30.075.447.590**	**30.055.327.247**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	**168.659.560.363**	**1.659.266.200**	**2.323.000.000**	**89.532.471.450**	**262.174.298.013**
- Mua trong năm				5.745.103.400	5.745.103.400
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác				4.081.428.194	4.081.428.194
Số dư cuối năm	**168.659.560.363**	**1.659.266.200**	**2.323.000.000**	**91.196.146.656**	**263.837.973.219**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	**55.921.270.608**	**1.659.266.200**	**2.323.000.000**	**79.905.376.312**	**139.808.913.120**
- Khấu hao trong năm	6.745.003.218			8.244.321.278	14.989.324.496
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán				4.063.899.790	4.063.899.790
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	**62.666.273.826**	**1.659.266.200**	**2.323.000.000**	**84.085.797.800**	**150.734.337.826**
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	112.738.289.755			9.627.095.138	122.365.384.893
- Tại ngày cuối năm	105.993.286.537			7.110.348.856	113.103.635.393
Đánh giá theo giá trị hợp lý					

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 72.390.622.344 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.11. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	**19.257.558.796**	**7.217.666.013**	**18.070.143.729**	**367.576.900**	**44.912.945.438**
- Mua trong năm					
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tạo ra từ nội bộ Công ty					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	**19.257.558.796**	**7.217.666.013**	**18.070.143.729**	**367.576.900**	**44.912.945.438**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	**1.053.834.723**	**7.217.666.013**	**16.042.532.960**	**367.576.900**	**24.681.610.596**
- Khấu hao trong năm	131.630.609		406.636.225		538.266.834
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	**1.185.465.332**	**7.217.666.013**	**16.449.169.185**	**367.576.900**	**25.219.877.430**
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	18.203.724.073		2.027.610.769		20.231.334.842
- Tại ngày cuối năm	18.072.093.464		1.620.974.544		19.693.068.008
Đánh giá theo giá trị hợp lý					

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.621.091.442 đồng.

Ghi chú (*): Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPTS Chi nhánh Đà Nẵng - 100 Quang Trung, Phường Hải Châu, Tp. Đà Nẵng (diện tích 144m2 theo hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/06/2013. Giá trị quyền sử dụng đất này được ghi nhận căn cứ theo thông báo nộp thuế TNCN số 1745/TB-TNCN của Cục thuế TP.Đà Nẵng đối với bên bán ngày 09/08/2013).	8.800.000.000
- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPTS Chi nhánh Hồ Chí Minh - Tầng 3, tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh (bao gồm diện tích đất sử dụng chung là 944 m2 và diện tích tầng 3 sử dụng riêng là 620,7 m2, theo hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất số 66/HĐ-BTL ngày 17/12/2013 giữa Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Bến Thành và Công ty CP Chứng Khoán FPT).	4.691.451.796
- Giá trị quyền sử dụng đất trụ sở FPTS Hà Nội - Số 52, đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Tp. Hà Nội (tổng diện tích 941,73 m2, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/07/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 00587 cấp ngày 06/08/2014).	5.766.107.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.12. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu khó đòi đã xử lý		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Shinnec	172.000.000	172.000.000
Cộng	**172.000.000**	**172.000.000**

A.7.13. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	401.061.950.000	463.004.470.000
2.Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng		
Cộng	**401.061.950.000**	**463.004.470.000**

A.7.14. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng của CTCK - OTC	502.676.440.000	2.674.730.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố của CTCK - OTC	1.100.000.000.000	120.000.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng chưa lưu ký của CTCK - Tự do chuyển nhượng	120.000.000.000	84.000.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng chưa lưu ký của CTCK - Hạn chế chuyển nhượng		
Cộng	**1.722.676.440.000**	**206.674.730.000**

A.7.15. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	33.791.343.565.245	30.915.187.615.975
2.Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	426.953.920.000	111.405.300.000
3.Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.122.311.090.000	1.133.522.100.000
4.Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	10.482.190.000	10.715.400.000
5.Tài sản tài chính chờ thanh toán	396.282.246.900	296.592.669.000
6.Tài sản tài chính chờ cho vay		
Cộng	**35.747.373.012.145**	**32.467.423.084.975**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.16. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.661.400.000	2.662.400.000
2.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	27.279.920.000	345.346.590.000
3.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		
4.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		
Cộng	**29.941.320.000**	**348.008.990.000**

A.7.17. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	440.811.306.525	332.380.238.600
Cộng	**440.811.306.525**	**332.380.238.600**

A.7.18. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	60.760.470.000	56.090.720.000
Cộng	**60.760.470.000**	**56.090.720.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.19. Tiền gửi của Nhà đầu tư

Tiền gửi của Nhà đầu tư	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
1.1.Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.354.560.978.096	2.727.014.848.853
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.812.927.107	46.588.622.148
2.Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		
3.Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		
3.1.Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		
3.2.Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
Cộng	**3.383.373.905.203**	**2.773.603.471.001**

A.7.20. Tiền gửi của Tổ chức phát hành

Tiền gửi của Tổ chức phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành		
2.Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	2.160.111.300	1.896.647.800
Cộng	**2.160.111.300**	**1.896.647.800**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.21.Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn	5.033.376.500	4.369.700.500
Cộng	**5.033.376.500**	**4.369.700.500**

A.7.22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	54.735.285.838	15.052.758.544
- Thuế Thu nhập cá nhân	15.912.581.120	14.257.605.893
- Các loại thuế khác	2.788.594.205	1.371.156.340
Cộng	**73.436.461.163**	**30.681.520.777**

A.7.23. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí GDCK, phí lưu ký và chuyển khoản, phí đại lý mở tài khoản, lãi vay cho giao dịch ký quỹ	21.499.330.495	9.246.767.305
Cộng	**21.499.330.495**	**9.246.767.305**

A.7.24. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
CN CT TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	968.886.432	685.088
Công ty CP Công Nghệ An Ninh Không Gian Mạng Việt Nam	168.000.000	
Công ty TNHH VNCREATIVE	27.864.000	
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	15.120.000	63.125.260
Chi nhánh Công ty TNHH Lavie -tại HN	12.971.880	21.875.400
Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Thăng Hoa	10.980.000	
Nguyễn Việt An	7.777.777	
Công ty CP DV Công Nghệ TSC VN	6.701.400	8.212.400
Công ty CP Di Chuyển Xanh và Thông Minh GSM	4.541.047	
Công ty CP Viễn Thông FPT	896.500	35.346.500
Công ty TNHH Dịch Vụ Tin Học FPT		515.680.000
Công ty TNHH Phần Mềm FPT		250.000.800
Công ty CP Truyền Thông Tổng Hợp 24		46.980.000
Công ty TNHH TM&DV Green Star Hà Nội		17.250.000
Công ty CP Thực phẩm An toàn Tâm Thành		4.223.775
Công ty CP Hai Bốn Bảy		3.640.017
Công ty TNHH Đầu Tư Dầu Khí Hà Nội		2.264.400
Công ty TNHH Vận Tải Công Nghệ Mai Linh Hà Nội		1.850.000
Cộng	**1.223.739.036**	**971.133.640**

A.7.25. Phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn	5.033.376.500	4.369.700.500
- Phải trả các Ngân hàng (đặt cọc thực hiện hợp đồng môi giới trái phiếu Chính phủ và các chứng chỉ tiền gửi)	501.560.329.003	1.872.874.706
Cộng	**506.593.705.503**	**6.242.575.206**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.26. Vay ngắn hạn (chi tiết theo các loại vay phát sinh trong năm hoạt động của CTCK)

Loại vay ngắn hạn	Lãi suất vay	Số dư vay đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay ngân hàng trong nước	**Dưới 7,8%**	**4.540.000.000.000**	**19.296.600.000.000**	**15.618.000.000.000**	**8.218.600.000.000**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Thành			450.000.000.000		450.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN- VIB		650.000.000.000	2.000.000.000.000	1.150.000.000.000	1.500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam		400.000.000.000	1.932.000.000.000	1.832.000.000.000	500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Nam Thăng Long		730.000.000.000	1.725.000.000.000	1.710.000.000.000	745.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		800.000.000.000	2.500.000.000.000	2.945.000.000.000	355.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-VPBANK		600.000.000.000	3.730.000.000.000	3.530.000.000.000	800.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong		110.000.000.000	747.800.000.000	710.000.000.000	147.800.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu		500.000.000.000	1.833.000.000.000	1.230.000.000.000	1.103.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN-CN Thanh Xuân		450.000.000.000	2.378.800.000.000	1.711.000.000.000	1.117.800.000.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)		300.000.000.000	2.000.000.000.000	800.000.000.000	1.500.000.000.000
Vay các tổ chức, cá nhân khác trong nước	**Dưới 7,1%**	**935.933.586.028**	**1.442.789.769.359**	**1.839.223.355.387**	**539.500.000.000**
Cộng		**5.475.933.586.028**	**20.739.389.769.359**	**17.457.223.355.387**	**8.758.100.000.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.27. Phải trả Nhà đầu tư

Loại phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
1.1. Của Nhà đầu tư trong nước	3.354.560.978.096	2.727.014.848.853
1.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài	28.812.927.107	46.588.622.148
Cộng	**3.383.373.905.203**	**2.773.603.471.001**

A.7.28. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Phải trả phí môi giới chứng khoán	668.927.397	424.805.721
2.Phải trả phí lưu ký chứng khoán	18.596.414	10.185.672
3.Phải trả phí tư vấn đầu tư		
Cộng	**687.523.811**	**434.991.393**

A.7.29. Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

Các khoản phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Phải trả nghiệp vụ margin		
2.Phải trả gốc margin	**7.430.869.619.855**	**6.650.578.286.459**
2.1.Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	7.430.869.619.855	6.650.578.286.459
2.2.Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư nước ngoài		
3.Phải trả lãi margin	**15.291.626.890**	**14.843.382.524**
3.1.Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	15.291.626.890	14.843.382.524
3.2.Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư nước ngoài		
4.Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	**817.581.263.675**	**417.640.809.455**
4.1.Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	817.276.232.700	417.567.973.486
a.Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	817.276.232.700	417.567.973.486
b.Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
4.2.Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	305.030.975	72.835.969
a.Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	305.030.975	72.835.969
b.Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
Cộng	**8.263.742.510.420**	**7.083.062.478.438**

A.7.30. Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm	Số đầu năm
1.Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	576.015.898.965	573.193.957.927
2.Lợi nhuận chưa thực hiện	378.887.734.159	485.498.733.814
Cộng	**954.903.633.124**	**1.058.692.691.741**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.31. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2025	Năm 2024
1. Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	**573.193.957.927**	**1.163.209.696.838**
2. Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm		
3. Lãi đã thực hiện năm nay	**503.365.274.477**	**416.812.204.390**
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn (4)=(1+2+3)	**1.076.559.232.404**	**1.580.021.901.228**
5. Số trích các quỹ từ lợi nhuận	**41.681.220.439**	**41.301.159.801**
5.1 Quỹ dự trữ điều lệ		
5.2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		
5.3 Qũy khen thưởng phúc lợi	*41.681.220.439*	*41.301.159.801*
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	**458.862.113.000**	**965.526.783.500**

B. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động

B 7.32. Thu nhập

B 7.32.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
1	Cổ phiếu quỹ, chứng chỉ quỹ	2.607.105		105.555.938.750	13.945.504.060	91.771.511.906	91.771.511.906	(15.900.845)
2	Trái phiếu	85.990.000		9.691.973.580.000	9.693.014.680.000	(1.041.100.000)	(1.041.100.000)	1.621.690.000
3	Chứng chỉ tiền gửi	7.490.000		749.657.548.636	749.724.386.349	(66.837.713)	(66.837.713)	
	Tổng cộng	**96.087.105**		**10.547.187.067.386**	**10.456.684.570.409**	**90.663.574.193**	**90.663.574.193**	**1.605.789.155**

B7.32.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường(*)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
I	**Loại FVTPL**	**2.129.899.423.131**	**2.508.787.157.290**	**378.887.734.159**	**485.498.733.814**	**(106.610.999.655)**
1	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	12.039.250.985	390.926.985.144	378.887.734.159	485.498.733.814	(106.610.999.655)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.025.968.404	2.025.968.404			
3	Trái phiếu	1.989.652.500.000	1.989.652.500.000			
4	Công cụ thị trường tiền tệ	126.181.703.742	126.181.703.742			
5	Chứng quyền					
6	Các khoản đầu tư phái sinh niêm yết					
7	Các khoản đầu tư phái sinh chưa niêm yết					
8	Các khoản đầu tư cho vay					
9	Các khoản đầu tư đem thế chấp					
10	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu					
II	**Loại HTM**					
III	**Loại các khoản cho vay và phải thu**					
IV	**Loại AFS**					
	Cộng	**2.129.899.423.131**	**2.508.787.157.290**	**378.887.734.159**	**485.498.733.814**	**(106.610.999.655)**

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2025 trên sàn giao dịch chứng khoán. Các tài sản tài chính chưa niêm yết tại thời điểm 31/12/2025 vì không có đủ thông tin tin cậy về giá thị trường của các tài sản tài chính này, nên giá trị trường được xác định là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.

B7.32.3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm nay	Năm trước
1. Tài sản tài chính FVTPL	**171.122.620.353**	**92.466.782.718**
1.1 Cổ tức và lãi trái phiếu	90.154.909.349	41.591.673.934
1.2 Lãi tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi	80.967.711.004	50.875.108.784
2. Tài sản tài chính HTM		
3. Tài các khoản cho vay	**753.622.810.833**	**589.269.375.765**
4. Tài AFS		
Tổng cộng	**924.745.431.186**	**681.736.158.483**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

B7.32.4. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

STT	Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu đại lý đấu giá		
2	Doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của TCPH	58.633.729	91.500.000
3	Phí quản lý tài sản cầm cố	30.700.000	40.800.000
4	Doanh thu khác	492.490.000	143.080.000
	Cộng	**581.823.729**	**275.380.000**

B7.33. Doanh thu hoạt động tài chính

STT	Loại doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.261.788.347	8.827.691.678
	Cộng	**9.261.788.347**	**8.827.691.678**

B 7.34. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

STT	Loại chi phí	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	187.063.982.170	180.559.800.828
2	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	497.064.438	
3	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	17.663.893.732	12.090.861.932
4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	23.954.622.477	18.007.016.134
5	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	18.999.875.238	14.583.323.095
6	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	368.502.691.100	178.997.567.556
	Cộng	**616.682.129.155**	**404.238.569.345**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

B 7.35. Chi phí quản lý CTCK

STT	Loại chi phí quản lý CTCK	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí lương và khác khoản khác theo lương	44.752.072.526	46.669.376.696
2	BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3.334.989.700	3.230.317.000
3	Chi phí đào tạo tuyển dụng	277.564.064	288.663.640
4	Chi phí vật tư văn phòng	2.776.525.862	2.910.192.385
5	Chi phí khấu hao TSCĐ	12.387.739.823	14.791.959.358
6	Chi phí thuế, phí và lệ phí	16.312.854	20.936.084
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.607.142.707	20.262.129.160
8	Chi phí khác	1.400.007.871	1.664.244.367
	Cộng	**85.552.355.407**	**89.837.818.690**

B 7.36. Thu nhập khác

STT	Chi tiết thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
1	Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	91.902.089	57.407.407
2	Doanh thu bán Token card	155.804.330	94.436.460
3	Thu nhập từ phí c.tiền của NDT	1.478.264.161	1.368.314.737
4	Thu nhập khác	68.185.538.876	56.581.588.988
	Cộng	**69.911.509.456**	**58.101.747.592**

B 7.37. Chi phí khác

STT	Chi tiết chi phí khác	Năm nay	Năm trước
1	Lỗ bán thanh lý TSCĐ	17.528.404	
2	Phạt do vi phạm hành chính	27.343.919	177.505.400
3	Chi phí Token card	168.459.600	113.017.200
4	Phí chuyển tiền của nhà đầu tư	1.478.633.544	1.367.170.262
5	Chi phí khác	66.939.896.800	54.444.453.420
	Cộng	**68.631.862.267**	**56.102.146.282**

B 7.38. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

STT	Chi tiết chi phí thuế TNDN	Năm nay	Năm trước
1	***Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành***		
1.1	- Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	113.866.941.113	95.854.572.808
1.2	- Điều chỉnh chi phí Thuế thu nhập CTCK của các năm trước vào chi phí Thuế thu nhập hiện hành năm nay	72.364.890	1.200.000
1.3	- Tổng chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	113.939.306.003	95.855.772.808
2	***Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại***		

B 7.39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	396.754.274.822	567.317.494.337
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	396.754.274.822	567.317.494.337
Quỹ khen thưởng phúc lợi		41.681.220.439
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	341.681.685	303.532.120
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	1.161	1.732

Ghi chú: *Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 được trích vào năm 2025, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

C. Thuyết minh về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

C.7.40. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do CTCK nắm giữ nhưng không được sử dụng

STT	Các giao dịch và các khoản tiền	Năm nay	Năm trước
A	B	1	2
	Tiền gửi ngân hàng cuối		
	-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
	-Tiền gửi của Tổ chức phát hành	2.160.111.300	1.896.647.800
	Tổng	**3.385.534.016.503**	**2.775.500.118.801**

D. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu: Không có

E. Những thông tin khác:

E.7.41.1. Thông tin so sánh: Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2025 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

E.7.41.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Ngày 16/01/2026, Chủ tịch HĐQT ông Nguyễn Văn Dũng, đã có đơn xin từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Chứng Khoán FPT chấp thuận theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

E.7.41.3. Thông tin về các bên liên quan:

a. Các bên liên quan:

Tên đơn vị	Mối quan hệ
SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Cổ đông lớn
Công ty Cổ Phần FPT	Cổ đông lớn
Công ty TNHH FPT IS	Bên có liên quan
Công ty Cổ Phần May Sông Hồng	Bên có liên quan (từ ngày 23/07/2025)
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin	Ban điều hành và các nhân sự chủ chốt

b. Trong năm 2025, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

STT	Các bên liên quan	Giao dịch	Số đầu kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
b.1 Phải thu (Doanh thu)				**48.911.656.716**	**48.911.656.716**	
1	SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Thu Phí lưu ký, phí chuyển tiền		50.759.614	50.759.614	
2	Công ty CP FPT	Cung cấp dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp cổng Quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EzIR; Dịch vụ trả hộ cổ tức; Dịch vụ quản lý cổ đông chưa tái lưu ký		90.897.102	90.897.102	
3	Công ty CP May Sông Hồng (Bên liên quan từ ngày 23/07/2025)	Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp		770.000.000	770.000.000	
		Nhận cổ tức bằng tiền mặt		48.000.000.000	48.000.000.000	
b.2 Phải thu (Trả trước cho nhà cung cấp)				**608.403.960**		**608.403.960**
1	Công ty TNHH FPT IS	Trả trước cho người bán		608.403.960		608.403.960
b.3 Phải trả (Chi phí)				**3.565.594.040**	**3.565.594.040**	
1	Công ty TNHH FPT IS	Mua thiết bị tin học, dịch vụ bảo hành, dịch vụ tin học		3.565.594.040	3.565.594.040	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

c. Ngoài các giao dịch giữa các bên liên quan được trình bày ở mục E.7.41.3.b ở trên, trong năm Công ty phát sinh thêm thông tin với các bên liên quan khác như sau:

		Giá trị (VND)	
		Năm nay	Năm trước
* ***Thù lao của HĐQT***			
Ông Trần Thanh Tùng	- Thành viên HĐQT	120.000.000	96.000.000
Chủ tịch HĐQT và thành viên khác của Hội đồng quản trị không nhận thù lao			
* ***Lương của Ban Tổng Giám đốc***			
Thành viên của Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Điệp Tùng	- Tổng Giám đốc	791.340.000	886.380.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	- Phó Tổng Giám đốc	396.940.000	680.580.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	- Phó Tổng Giám đốc	572.040.000	649.080.000
Bà Nguyễn Thị Hạnh	- Phó Tổng Giám đốc	169.150.000	
		1.929.470.000	**2.216.040.000**

* ***Mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty***

Tên	Chức danh	Năm nay		Năm trước	
		Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc	161.100	1.611.000.000	160.150	1.601.500.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	529.600	5.296.000.000	154.100	1.541.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	534.900	5.349.000.000	324.300	3.243.000.000
Trịnh Thanh Hằng	Người được ủy quyền CBTT	209.800	2.098.000.000	110.700	1.107.000.000

E. 7.41.4. Những thông tin khác:

Công ty không thực hiện nghiệp vụ hỗ trợ vốn ngoài nghiệp vụ giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, ứng trước cổ tức.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thu Chung	Nguyễn Thị Sơn	Nguyễn Điệp Tùng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

FPT Securities

52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

www.fpts.com.vn

19006446

fptsecurities@fpts.com.vn